



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

16

Tháng 8 - 2020

# HỘI NGHỊ THẨM ĐỊNH ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG TP.ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà - Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị*



*Bí thư Thành ủy Đà Nẵng Trương Quang Nghĩa phát biểu tại điểm cầu trực tuyến  
TP. Đà Nẵng*

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
NĂM THỨ HAI MỘT**

**16**

**SỐ 16 - 8/2020**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 7
- Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 9
- Bộ Xây dựng phê duyệt “Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” 11
- Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới 13
- Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc 15

#### **Văn bản của địa phương**

- UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh 17

## CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

**BẠCH MINH TUẤN**

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

### Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN  
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠM  
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH  
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ  
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH  
CN. NINH HOÀNG HẠNH

### **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiên cứu tổng hợp thực trạng sử dụng các sản phẩm sơn chống ăn mòn, chịu môi trường xâm thực cho bê tông và bê tông cốt thép 19
- Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu thiết kế mẫu nhà ở đô thị và nông thôn phù hợp các vùng, miền toàn quốc” 20
- Nghiệm thu các đề tài nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn quốc gia về kính xây dựng 22
- Nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ KHCN do Trường Đại học Xây dựng thực hiện 23
- Thực tế sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng 25
- Những xu thế hiện đại để kết hợp cảnh quan và kiến trúc 27

### **Thông tin**

- Trao tặng Kỷ niệm chương cho Giám đốc quốc gia GIZ tại Việt Nam 30
- Hội nghị Thẩm định Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 31
- Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Hòn La 34
- Thị xã Đông Triều đạt tiêu chuẩn đô thị loại III trực thuộc tỉnh Quảng Ninh 35
- Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) trong quy hoạch phát triển các đô thị ven biển tại Việt Nam 38
- Các hệ thống mạng đám mây - giải pháp thay thế trong thiết kế và xây nhà ở 42
- Phát triển không gian xanh đô thị ở Anh - ví dụ điển hình ở thủ đô Luân Đôn 45



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc**

Ngày 17/7/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

**Phạm vi điều chỉnh:** Nghị định này quy định chi tiết nội dung Luật Kiến trúc giao tại khoản 5 Điều 13; khoản 5 Điều 14 và khoản 1 Điều 15; khoản 8 Điều 17; khoản 3 Điều 22; khoản 3 Điều 23; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 29; khoản 4 Điều 30 và khoản 3 Điều 31 về công trình kiến trúc có giá trị; quy chế quản lý kiến trúc; thi tuyển phương án kiến trúc; quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề; phát triển nghề nghiệp liên tục; sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc; cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc; hành nghề kiến trúc của người nước ngoài tại Việt Nam.

**Đối tượng áp dụng:** Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiến trúc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### **Quy định về quản lý kiến trúc**

##### **1. Công trình kiến trúc có giá trị**

a. Tiêu chí đánh giá công trình kiến trúc có giá trị

- Tiêu chí về giá trị nghệ thuật kiến trúc, cảnh quan, gồm các yếu tố sau:

+ Tiêu biểu cho một loại hình kiến trúc, phong cách kiến trúc;

+ Giá trị nghệ thuật kiến trúc của bản thân công trình và tổng thể không gian trong phạm vi khuôn viên công trình;

+ Giá trị gắn liền với cảnh quan, đóng góp vào cảnh quan chung đô thị, danh lam thắng

cảnh, cảnh quan thiên nhiên;

+ Giá trị về kỹ thuật, công nghệ xây dựng, sử dụng vật liệu xây dựng.

- Tiêu chí về giá trị lịch sử, văn hóa, gồm các yếu tố sau:

+ Tiêu biểu cho giai đoạn lịch sử;

+ Gắn với đặc điểm, tính chất tiêu biểu về văn hóa của địa phương;

+ Niên đại xây dựng, tuổi thọ công trình.

b. Phân loại công trình kiến trúc có giá trị: 3 loại

- Loại I khi đáp ứng hai tiêu chí về giá trị nghệ thuật kiến trúc, cảnh quan và tiêu chí về giá trị lịch sử, văn hóa; tiêu chí về giá trị nghệ thuật kiến trúc, cảnh quan phải đạt từ 80 điểm trở lên. Loại II khi đáp ứng hai tiêu chí; loại III khi đáp ứng một trong hai tiêu chí trên.

#### **Nội dung quy chế quản lý kiến trúc đô thị**

##### **Quy định chung:**

- Quy định về quản lý kiến trúc đối với toàn bộ khu vực lập quy chế: Quy định phạm vi tổng thể, ranh giới lập quy chế;

- Các chỉ tiêu quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc địa phương được áp dụng;

- Định hướng kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan của toàn đô thị;

- Xác định các khu vực cần lập thiết kế đô thị riêng; vị trí, quy mô các công trình cần thi tuyển phương án kiến trúc;

- Quy định về kiến trúc công trình đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**Quy định cụ thể**

- Quy định về kiến trúc cho từng khu vực trong đô thị theo địa giới hành chính hoặc theo chức năng, tính chất; đối với khu vực bảo tồn;

- Quy định về kiến trúc đối với tuyến đường cụ thể, quảng trường, khu trung tâm, cửa ngõ đô thị; bố trí biển hiệu, quảng cáo, tiện ích đô thị; khu vực cần ưu tiên chỉnh trang và kế hoạch thực hiện; khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù; khu vực nông thôn thuộc đô thị;

- Các quy định về màu sắc, vật liệu xây dựng; yêu cầu đối với mặt đứng, mái, tầng 1 công trình;

- Quy định về quản lý kiến trúc đối với nhà ở, công trình công cộng, công trình phục vụ tiện ích đô thị, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Quy định về quản lý, bảo vệ công trình kiến trúc có giá trị.

**Nội dung quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn**

- Quy định phạm vi tổng thể, ranh giới lập quy chế;

- Định hướng chung về kiến trúc, cảnh quan đối với toàn điểm dân cư nông thôn;

- Xác định yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc tại điểm dân cư nông thôn

- Quy định cụ thể tại khu vực trung tâm, dọc tuyến đường liên xã, trục đường chính, đường liên thôn, cảnh quan khu vực bảo tồn; các khu vực tập trung làng xóm, các khu vực phát triển dọc tuyến đường, tuyến sông, mặt nước;

- Quy định đối với công trình công cộng: kiến trúc công sở, cơ sở y tế, giáo dục, công trình văn hóa, thể thao;

- Quy định đối với công trình nhà ở: xây dựng theo các chỉ tiêu được quy định trong quy hoạch xây dựng nông thôn được phê duyệt;

**Quy định về hành nghề kiến trúc**

Phát triển nghề nghiệp liên tục của kiến trúc sư hành nghề

- Phát triển nghề nghiệp liên tục của kiến trúc sư hành nghề gồm: tham gia các khóa tập huấn về chuyên môn, pháp luật; hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn; chương trình khảo sát, tham quan học tập về lĩnh vực kiến trúc và liên quan; viết sách, bài trên sách, báo, tạp chí chuyên ngành kiến trúc, viết chuyên đề tham luận hội nghị, hội thảo về kiến trúc; tham gia khóa học tập, nghiên cứu sau đại học về lĩnh vực kiến trúc; tham gia giảng dạy đại học, sau đại học và các khóa tập huấn chuyên môn về lĩnh vực kiến trúc; nghiên cứu, sáng chế khoa học trong lĩnh vực kiến trúc được công nhận; đạt giải thưởng kiến trúc quốc gia.

- Tổ chức xã hội nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc thực hiện các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục, bao gồm: tổ chức các khóa tập huấn về chuyên môn, pháp luật; hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn; chương trình khảo sát, tham quan học tập về kiến trúc và liên quan.

- Cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục có trách nhiệm:

+ Thông báo và đăng tải thông tin về chương trình, nội dung, thời gian tổ chức hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục trên phương tiện thông tin đại chúng;

+ Xác nhận việc tham gia hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục của các cá nhân bằng văn bản theo mẫu, làm cơ sở để cá nhân lập hồ sơ đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc;

+ Trường hợp tham gia các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục tại nước ngoài, người tham gia cần có văn bản, chứng chỉ hoặc tài liệu chứng minh về việc đã tham gia hoạt động đó, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam.

- Kiến trúc sư hành nghề phải đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục hằng năm

thông qua hình thức tích lũy tối thiểu là 04 điểm phát triển nghề nghiệp liên tục. Các kiến trúc sư hành nghề trên 60 tuổi phải đạt tối thiểu là 02 điểm phát triển nghề nghiệp liên tục một năm. Cá nhân đạt vượt mức yêu cầu thì được chuyển kết quả phát triển nghề nghiệp liên tục sang năm kế tiếp. Cá nhân chưa đạt mức yêu cầu thì phải hoàn thành phần kết quả phát triển nghề nghiệp liên tục còn thiếu trong năm kế tiếp.

- Hội Kiến trúc sư Việt Nam xây dựng, ban hành bảng phương pháp tính điểm phát triển nghề nghiệp liên tục chi tiết đối với các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục của kiến trúc sư hành nghề.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07/9/2020.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 04/8/2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1179/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **1. Phạm vi quy hoạch**

Phần lãnh thổ đất liền tỉnh Nghệ An rộng 16.482 km<sup>2</sup>, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: giáp tỉnh Thanh Hóa.
- Phía Đông: giáp Biển Đông.
- Phía Nam: giáp tỉnh Hà Tĩnh.
- Phía Tây: giáp các tỉnh Bolikhamxai, Xieng Khouang và Houaphanh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

### **2. Quan điểm, nguyên tắc lập quy hoạch**

- Việc lập “Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” phải bảo đảm phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của cả nước; Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững;

- Thúc đẩy việc đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo

hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế so sánh của tỉnh; phát huy lợi thế vị trí chiến lược, tiềm năng kinh tế biển; xây dựng hệ thống đô thị, nông thôn, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, di sản văn hoá đặc trưng;

- Đảm bảo liên kết tổng thể giữa các ngành, lĩnh vực và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội liên huyện trên phạm vi toàn tỉnh; tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, cả nước và quốc tế, đặc biệt là hợp tác giao thương với Lào và Thái Lan; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, khai thác, tận dụng hiệu quả các lợi ích và cơ hội phát triển từ các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết (CTPPP, EVFTA...);

- Quy hoạch phải phù hợp với khả năng huy động vốn, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn lực từ bên ngoài; phù hợp với nguyên tắc thị trường trong quản lý và phân bổ nguồn lực phát triển; đảm bảo tính thích ứng, linh hoạt trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch;

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, bình đẳng giới, giảm

nghèo, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng văn hóa, tinh thần của người dân; khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

### **3. Mục tiêu lập quy hoạch**

- Việc lập Quy hoạch nhằm định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện trên địa bàn tỉnh; hướng tới mục tiêu phát triển tỉnh Nghệ An là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung Bộ theo tinh thần của Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị;

- Cụ thể hóa, kết nối đồng bộ, thống nhất phương hướng tổ chức không gian và phát triển của các ngành, lĩnh vực trên phạm vi lãnh thổ tỉnh đã được đề ra trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; tạo cơ sở cho việc triển khai lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, nhằm đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch. Loại bỏ các quy hoạch chồng chéo ảnh hưởng đến đầu tư phát triển;

- Là công cụ để chính quyền các cấp của tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và thống nhất trong việc hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; là căn cứ để nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân đầu tư, kinh doanh, sản xuất, qua đó huy động hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển tỉnh.

### **4. Nội dung lập quy hoạch**

Nội dung chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố,

điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Nghệ An;

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

c) Đánh giá thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội;

d) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh gồm:

- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và lựa chọn các phương án sau:  
+ Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội.

+ Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017).

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (theo quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017).

+ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

+ Danh mục dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh và thứ tự thực hiện.



+ Hệ thống các giải pháp, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Yêu cầu về các nội dung đề xuất: Các nội dung đề xuất nghiên cứu để đưa vào quy hoạch tỉnh phải có cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn địa phương, xuất phát từ nhu cầu phát triển, yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương. Các nội dung đề xuất cần tập trung làm rõ các phương

hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội các đơn vị hành chính cấp huyện và các vùng đặc trưng, phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực có thế mạnh, đặc thù của tỉnh Nghệ An.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 05/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1195/QĐ-TTg Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **1. Phạm vi ranh giới**

- Diện tích tự nhiên: Phần lãnh thổ tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích đất tự nhiên là 3.383,9km<sup>2</sup>.

- Về ranh giới địa lý, tỉnh Đồng Tháp tiếp giáp: Phía Bắc giáp tỉnh Prey Veng - Campuchia; Phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và TP.Cần Thơ; Phía Tây giáp tỉnh An Giang; Phía Đông giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang.

### **2. Quan điểm, nguyên tắc lập quy hoạch**

- Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 10 năm (2021 - 2030), Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm (2021 - 2025) của cả nước; quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long; các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng của quốc gia; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên.

- Lập quy hoạch tỉnh phải dựa trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, dự báo xu hướng phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; bảo đảm tính khả thi trong triển khai, thực hiện, phù hợp với khả năng huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trên tất cả các lĩnh vực, các vùng của Tỉnh.

- Xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với bối cảnh, tình hình trong nước và quốc tế; thể hiện tư duy đổi mới, sáng tạo; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia; phải kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; đảm bảo nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực và nguyên tắc hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương, lợi ích của người dân theo quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo, nâng cao mức sống vật chất, đời sống văn hóa, tinh thần của người dân; phát huy, duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của Tỉnh.

### **3. Mục tiêu lập quy hoạch**

- Cung cấp căn cứ pháp lý quan trọng để quản lý các hoạt động kinh tế - xã hội; làm cơ sở để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công của Tỉnh; sớm đưa vị thế phát triển của Đồng Tháp thành một trong những tỉnh dẫn đầu của vùng đồng bằng sông Cửu Long có kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn theo hướng hiện đại, văn minh.

- Nhằm đánh giá lại các điểm nghẽn trong phát triển để tìm ra các giải pháp trọng tâm, tiếp tục đưa Đồng Tháp phát triển nhanh, bền vững; loại bỏ các quy hoạch chồng chéo, không phù hợp cản trở đầu tư phát triển trên địa bàn; thực hiện cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai minh bạch, công bằng trong huy động, tiếp cận, sử dụng mọi nguồn lực trong hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Cụ thể hóa phương án quy hoạch, lập được phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, hệ thống đô thị và nông thôn và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành.

### **4. Nội dung lập quy hoạch**

Nội dung chính của Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải đảm bảo yêu cầu theo quy định Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ, bao gồm:

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Đồng Tháp.

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn tỉnh Đồng Tháp.

c) Đánh giá về việc thực hiện quy hoạch thời kỳ trước.

d) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành

quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh:

- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và lựa chọn các phương án:

+ Phương án tổ chức hoạt động kinh tế xã hội.

+ Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 27, Luật Quy hoạch năm 2017).

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo quy định tại Điểm đ, e, g, h, i, k, Khoản 2, Điều 27, Luật Quy hoạch năm 2017).

+ Phương án phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

+ Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.

+ Các giải pháp, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Một số nội dung đề xuất nghiên cứu:

Các nội dung đề xuất nghiên cứu để đưa vào Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 -

2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn; xuất phát từ nhu cầu phát triển và yêu cầu quản lý nhà nước của Tỉnh. Tập trung nghiên cứu các phương hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội, các vùng đặc trưng, các

ngành, lĩnh vực có thế mạnh và đặc thù của Đồng Tháp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Bộ Xây dựng phê duyệt “Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”**

Ngày 31/7/2020, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 1004/QĐ-BXD phê duyệt “Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

### **1. Đối tượng, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số**

- Cơ sở dữ liệu số (CSDL) trong đó bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, đơn giá để phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thực hiện Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng;
- Hoạt động xây dựng (tư vấn thiết kế; tư vấn thẩm tra, thẩm định; thi công xây lắp; nghiệm thu công trình);
- Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Nhà ở, công sở và thị trường bất động sản.

### **2. Mục tiêu tổng quát**

- Hoàn thiện thể chế để phục chuyển đổi số của ngành Xây dựng;
- Vận hành và cập nhật Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng;
- Hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu số: văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn; định mức và giá xây dựng; nhà ở, thị trường bất động sản; khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng; quy hoạch xây dựng; nâng cấp đô thị; thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây

dựng; nghiệm thu các công trình đưa vào sử dụng; thanh tra, kiểm tra; hồ sơ cán bộ, viên chức ngành Xây dựng; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của tổ chức và cá nhân; phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng; đề tài, dự án sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học công nghệ và môi trường;

- Phối hợp với cơ quan quản lý xây dựng địa phương để xây dựng CSDL phục vụ chuyển đổi số cho một số lĩnh vực ưu tiên;

- Lựa chọn một số đối tượng cụ thể trong phạm vi quản lý nhà nước của ngành Xây dựng để ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ cho việc chuyển đổi số:

- + Ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý GIS trong công tác lập quy hoạch và quản lý xây dựng;

- + Ứng dụng Mô hình thông tin công trình BIM trong các hoạt động đầu tư xây dựng công trình;

- + Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý vận hành đô thị thông minh, doanh nghiệp số.

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng làm chủ công nghệ số.

### **3. Các nhiệm vụ cụ thể**

#### **a. Giai đoạn 2020 - 2025**

- Hoàn thiện thể chế để phục vụ chuyển đổi

số của ngành Xây dựng

+ Xây dựng Danh mục văn bản quy phạm pháp luật, quy phạm kỹ thuật, định danh, định dạng mã cho các hồ sơ, tài liệu để phục vụ chuyển đổi số.

+ Biên soạn các văn bản quy phạm pháp luật, quy phạm kỹ thuật, quy trình, thủ tục xử lý văn bản đi và đến để phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Hoàn thành việc xây dựng và vận hành có hiệu quả Chính phủ điện tử của Bộ Xây dựng

+ Vận hành và cập nhật Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng; nâng cao tính năng và khả năng tích hợp của Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng đảm bảo vận hành an toàn trong mọi tình huống.

+ Đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo đủ năng lực để vận hành Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng.

+ Xây dựng quy định, quy trình xử lý văn bản phục vụ vận hành Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.

+ Cập nhật việc thực hiện các chỉ tiêu trong Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ “Về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025” và Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Bộ Xây dựng

- Hoàn thành xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu số của Bộ Xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước

+ Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu số của Bộ Xây dựng.

+ Xây dựng CSDL, số hóa các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Xây dựng để lưu trữ, khai thác chia sẻ, dùng chung.

+ Xây dựng CSDL, số hóa hệ thống định mức và giá xây dựng để khai thác, chia sẻ, dùng chung.

+ Xây dựng CSDL, số hóa hệ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng để khai thác, chia sẻ, dùng chung.

+ Xây dựng CSDL, số hóa các nhiệm vụ khoa học công nghệ để khai thác trong phạm vi cơ quan Bộ.

+ Xây dựng CSDL, số hóa các dự án điều tra khảo sát thuộc nguồn ngân sách sự nghiệp kinh tế.

+ Xây dựng CSDL, số hóa các hồ sơ nâng cấp đô thị để công khai và phục vụ công tác quản lý của Bộ.

+ Xây dựng CSDL về nhà ở, công sở, các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội được cấp phép hàng năm, chỉ số giá một số loại bất động sản tại các đô thị.

- Phối hợp với cơ quan quản lý xây dựng địa phương để chuyển đổi số một số lĩnh vực

+ Hướng dẫn các tỉnh, thành phố xây dựng CSDL số để phục vụ công tác quản lý chuyên môn về công tác quy hoạch xây dựng

+ Hướng dẫn các tỉnh, thành phố xây dựng CSDL số để phục vụ công tác quản lý chuyên môn về hoạt động xây dựng

+ Hướng dẫn các thành phố trực thuộc Trung ương được lựa chọn thí điểm xây đô thị thông minh trong việc lựa chọn tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng, xây dựng CSDL số các công trình hạ tầng kỹ thuật phục nhằm kết nối với trung tâm điều hành đô thị thông minh.

b. Định hướng đến năm 2030

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế để phục vụ chuyển đổi số của Bộ Xây dựng.

- Hoàn thành việc xây dựng và vận hành Chính phủ điện tử của Bộ Xây dựng, hướng tới Chính phủ số sau năm 2025.

- Hoàn thành xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu

số phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

- Phối hợp với cơ quan quản lý xây dựng địa phương để chuyển đổi số một số lĩnh vực.
- Lựa chọn một số đối tượng cụ thể trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngành để ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ cho việc chuyển đổi số.
- Nhân lực ngành xây dựng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

#### 4. Giải pháp thực hiện

- Nâng cao nhận thức bằng các hình thức phù hợp và thường xuyên để phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, công chức, viên chức, lãnh đạo doanh nghiệp và người lao động về: Chính phủ điện tử; tăng cường chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; mô hình kinh tế số; mô hình doanh nghiệp số.

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng; phục vụ lưu trữ CSDL của Bộ Xây dựng.

- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các đơn vị trực thuộc Bộ, các cơ quan quản lý chuyên ngành xây dựng địa phương bằng các phương thức phù hợp. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn quá trình thực hiện Kế hoạch theo định kỳ hàng năm thông qua việc tổ chức các cuộc giao ban trực tiếp, trực tuyến thực hiện các nội dung trong Kế hoạch.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại ([www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## **Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới**

Ngày 18/8/2020, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 1100/QĐ-BXD ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

#### 1. Mục đích, yêu cầu

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp thực tiễn phát triển của ngành, lĩnh vực xây dựng.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy đảng, lãnh đạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng về việc thực hiện quan điểm “Đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới”. Tạo sự chuyển biến rõ rệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của giáo dục nghề nghiệp.

- Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ phải đồng bộ với sự phát triển Ngành Xây dựng, đảm bảo thiết thực, hiệu quả cùng với các kế hoạch thực hiện

các Nghị quyết của Bộ Xây dựng.

## **2. Nội dung thực hiện**

a. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Xây dựng trong việc thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Lãnh đạo đơn vị phối hợp với cấp ủy đảng quán triệt nội dung Chỉ thị số 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và của Bộ Xây dựng phát triển nhân lực có kỹ năng nghề góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

- Thường xuyên nắm bắt tình hình, kết quả thực hiện và kịp thời có biện pháp chấn chỉnh thiếu sót trong công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp tại các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng góp phần đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Bộ theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng sự phát triển.

b. Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp

- Triển khai áp dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề.

- Tăng cường chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, chú trọng đào tạo lại và đào tạo thường xuyên lực lượng lao động để tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường đào tạo bảo đảm người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Bộ có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp và ngoại ngữ... thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Phấn đấu đến năm 2030, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, đến năm 2045 tiếp cận trình độ các nước G20.

c. Đẩy mạnh công tác dự báo, tăng cường

ứng dụng công nghệ thông tin

- Cần làm tốt công tác dự báo nhu cầu xây dựng và cập nhật dữ liệu về lao động kỹ năng nghề theo từng ngành nghề đào tạo, trình độ đào tạo. Thống kê và dự báo nhu cầu học sinh theo các ngành học, số học sinh tốt nghiệp có việc làm và nhu cầu của xã hội hàng năm và thường xuyên.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kết nối cung - cầu để nâng cao hiệu quả đào tạo và sử dụng lao động đã qua đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm cả lao động đi làm ở trong nước và nước ngoài.

d. Đẩy mạnh thông tin và truyền thông

Làm tốt công tác thông tin và truyền thông, tạo sự chuyển biến về nhận thức, đồng thuận của xã hội về phát triển giáo dục nghề nghiệp, vị trí, vai trò của nhân lực có kỹ năng nghề, nhằm huy động sự tham gia và nguồn lực của toàn xã hội, nhất là sự đồng hành của doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Bộ trong việc phát triển nhân lực có kỹ năng nghề phục vụ phát triển ngành xây dựng.

e. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng

- Thực hiện nghiêm túc việc rà soát, tổ chức, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đảm bảo mục tiêu đề ra theo Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nhanh chóng ổn định tổ chức, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi được tổ chức, sắp xếp lại; thúc đẩy phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp

có năng lực tự chủ và hoạt động hiệu quả.

- Chú trọng nội dung phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển của ngành.

g. Hoạt động hợp tác quốc tế, gắn kết với doanh nghiệp

- Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế đa phương, song phương trong giáo dục nghề nghiệp như: liên kết đào tạo; nghiên cứu khoa học; trao đổi học thuật; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý; quản trị nhà trường tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Bộ. Tạo môi trường thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Bộ. Chủ động thu hút và ưu tiên sử dụng vốn ODA theo quy định của pháp luật để đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là các trường chất lượng cao theo quy hoạch và các ngành, nghề trọng điểm đã được phê duyệt.

- Tăng cường gắn kết chặt chẽ 3 “Nhà”: Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp công nhận, tuyển dụng,

sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho người lao động dựa trên kỹ năng và năng lực hành nghề; tuyển dụng, sử dụng người lao động đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của pháp luật.

- Tạo cơ chế để xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động đảm bảo cho các hoạt động giáo dục nghề nghiệp hướng vào việc đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng và các ngành khác trong xã hội.

h. Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề

- Chú trọng nội dung phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án của Bộ và của đơn vị.

- Đẩy mạnh triển khai, quản lý hiệu quả các chương trình, dự án, liên quan đến giáo dục nghề nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Xem toàn văn tại ([www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))**

## **Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc**

Ngày 28/7/2020, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 03/2020/TT-BXD quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Thông tư này quy định về nội dung hồ sơ thiết kế kiến trúc, mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc áp dụng với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động thiết kế kiến trúc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **2. Quy định chung về hồ sơ thiết kế kiến trúc**

- Hồ sơ thiết kế kiến trúc là thành phần của hồ sơ thiết kế xây dựng được thực hiện thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật xây dựng.

- Hồ sơ thiết kế kiến trúc bao gồm các loại sau:

+ Hồ sơ thiết kế kiến trúc sơ bộ là nội dung kiến trúc trong thiết kế sơ bộ ở giai đoạn báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

+ Hồ sơ thiết kế kiến trúc cơ sở là nội dung kiến trúc trong thiết kế cơ sở ở giai đoạn báo

cáo nghiên cứu khả thi;

+ Thiết kế kiến trúc kỹ thuật là nội dung kiến trúc trong thiết kế kỹ thuật ở giai đoạn sau thiết kế cơ sở;

+ Thiết kế kiến trúc bản vẽ thi công là nội dung kiến trúc trong thiết kế bản vẽ thi công ở giai đoạn sau thiết kế cơ sở;

+ Các hồ sơ thiết kế kiến trúc ở các bước thiết kế khác (nếu có) theo thông lệ quốc tế, tương ứng với các bước thiết kế xây dựng do người quyết định đầu tư quyết định khi quyết định đầu tư dự án.

- Hồ sơ thiết kế kiến trúc trong dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù thực hiện theo quy định tại Luật Xây dựng.

- Hồ sơ thiết kế kiến trúc trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị được thực hiện theo Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị.

- Khi điều chỉnh thiết kế kiến trúc phải lập hồ sơ thiết kế kiến trúc điều chỉnh gồm các bản vẽ được điều chỉnh đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Nêu rõ nội dung, thời gian, lần điều chỉnh, có sự thống nhất của chủ nhiệm thiết kế và chủ đầu tư;

+ Tổ chức thiết kế và chủ đầu tư phải ký xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung sửa đổi trong khung tên bản vẽ.

### **3. Nội dung hồ sơ thiết kế kiến trúc**

#### **a. Quy cách hồ sơ thiết kế kiến trúc**

- Hồ sơ thiết kế kiến trúc bao gồm các thành phần bản vẽ và thuyết minh.

- Hồ sơ thiết kế kiến trúc phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Quy cách, tỷ lệ bản vẽ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5671:2012 về hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - hồ sơ thiết kế kiến trúc;

+ Khung tên bản vẽ phải tuân thủ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5571:2012 về hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - bản vẽ xây dựng - khung tên.

- Cá nhân chịu trách nhiệm về chuyên môn kiến trúc của tổ chức, người đại diện theo pháp

luật hoặc người được ủy quyền phải ký, đóng dấu của nhà thầu thiết kế theo quy định.

- Chủ nhiệm thiết kế được ghi tên trong hồ sơ thiết kế phải đảm bảo:

+ Trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ thiết kế, có chuyên môn và chịu trách nhiệm cao nhất về nội dung và chất lượng của thiết kế kiến trúc, kiểm soát các bộ môn để phối hợp, thống nhất với kiến trúc;

+ Chủ nhiệm thiết kế có thể là tác giả phương án kiến trúc hoặc người trực tiếp tổ chức thực hiện ý tưởng của tác giả.

- Chủ trì thiết kế kiến trúc được ghi tên trong hồ sơ thiết kế phải đảm bảo:

+ Phải đủ năng lực được giao chủ trì thiết kế kiến trúc công trình hoặc chủ trì thẩm tra thiết kế kiến trúc, chịu trách nhiệm về nội dung của thiết kế kiến trúc;

+ Chủ trì có thể thay thế vai trò chủ nhiệm nếu được chủ nhiệm ủy quyền.

#### **b. Hồ sơ thiết kế kiến trúc sơ bộ**

- Bản vẽ gồm:

+ Sơ đồ vị trí, địa điểm khu đất xây dựng, số liệu quy mô, tính chất dự án, hiện trạng, ranh giới khu đất, thông tin quy hoạch, hướng, tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu và theo quy hoạch được phê duyệt (nếu có), công trình hiện hữu và kiến trúc cảnh quan xung quanh, phân tích mối liên kết giao thông;

+ Các bản vẽ thiết kế ý tưởng kiến trúc thể hiện: dây chuyền công năng, hình khối, đường nét, màu sắc, ánh sáng trên các bản vẽ tổng thể, phối cảnh, mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, nội ngoại thất, mối liên hệ với không gian kiến trúc cảnh quan chung của khu vực.

#### **c. Hồ sơ thiết kế kiến trúc kỹ thuật**

- Nội dung hồ sơ thiết kế kiến trúc kỹ thuật phải phù hợp với thiết kế cơ sở được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, phải làm rõ các thông số kỹ thuật, vật liệu, kích thước, các tính toán cụ thể về kỹ thuật để sản xuất, xây dựng, lắp đặt.

- Bản vẽ gồm:



+ Sơ đồ vị trí, địa điểm khu đất xây dựng, bản đồ hiện trạng, ranh giới khu đất, thông tin quy hoạch theo quy hoạch được phê duyệt;

+ Bản vẽ tổng mặt bằng: thể hiện các hạng mục dự án đầu tư xây dựng, quy định rõ hạng mục xây mới, cải tạo, chỉnh trang trên cơ sở hiện trạng khu đất, xác định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, xác định các lối vào, lối ra và phân luồng giao thông, các chỉ tiêu kỹ thuật về diện tích khu đất nghiên cứu, diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn, hệ số sử dụng đất, diện tích các hạng mục, số tầng, hệ thống giao thông nội bộ, xác định ranh giới và định vị các công trình ngầm;

+ Các bản vẽ định vị công trình, mặt bằng các tầng, mặt đứng, mặt cắt, sơ đồ dây chuyền và tổ chức không gian;

+ Các bản vẽ minh họa: phối cảnh tổng thể,

phối cảnh góc, nội ngoại thất cơ bản;

+ Các bản vẽ kích thước, thống kê các loại cửa, buồng thang; thống kê diện tích, chỉ định vật liệu, màu sắc kiến trúc mặt đứng, khu vệ sinh, ốp lát sàn, danh mục vật liệu hoàn thiện;

+ Bản vẽ công trình phụ trợ và bên ngoài nhà, hàng rào, cây xanh, sân vườn.

- Thuyết minh gồm: Thể hiện rõ các tính toán lựa chọn phương án kỹ thuật, dây chuyền công nghệ, tính chất vật liệu, làm rõ các thông số mà bản vẽ không thể hiện hết và đảm bảo đủ cơ sở để lập tổng dự toán công trình và thiết kế xây dựng;

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2020.

**Xem toàn văn tại ([www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))**

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh**

Ngày 05/8/2020, UBND tỉnh Phú Yên đã có Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh.

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về hoạt động quảng cáo ngoài trời và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

#### **3. Nguyên tắc quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời**

- Tuân theo các quy định của Luật Quảng cáo và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan về hoạt động quảng cáo.

- Đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, không gian cảnh quan, kiến trúc và quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Ưu tiên cho các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh, địa phương.

- Khuyến khích xã hội hoá trong hoạt động quảng cáo ngoài trời.

#### **4. Quy định cụ thể về hoạt động quảng cáo ngoài trời**

a. Khu vực không thực hiện quảng cáo thương mại

- Khu vực Quảng trường, vườn hoa.
- Trụ sở các cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; trường học; doanh trại quân đội; trụ sở công an; trụ sở các tổ chức quốc tế.

- Khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh; khuôn viên nơi đặt tượng đài, bia tưởng niệm, nghĩa trang liệt sĩ.

- Khu vực thuộc hành lang an toàn đường sắt, hành lang an toàn bảo vệ luồng đường thủy nội địa; hành lang bảo vệ đê điều, hành lang an toàn lưới điện cao áp.

- Khu vực che khuất tín hiệu giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng.

- Các khu vực, địa điểm khác theo quy định của pháp luật.

#### b. Băng rôn ngang

Băng rôn ngang quảng cáo chỉ được treo ở các vị trí phù hợp dọc theo các tuyến đường đô thị; không được treo ngang qua đường giao thông.

c. Treo băng rôn quảng cáo phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Kích thước: Tùy thuộc vào nội dung quảng cáo và điều kiện thực tế tại vị trí treo băng rôn mà có kích thước phù hợp, nhưng chiều rộng băng rôn không quá 01 mét (m);

- Chiều cao: Tính từ mặt đường đến cạnh đáy của băng rôn tối thiểu là 3,5m;

- Thời hạn treo: Tối đa 15 ngày.

#### d. Băng rôn dọc (phướn)

- Phướn quảng cáo chỉ được treo trên các cột đèn chiếu sáng ở lề đường.

- Treo phướn quảng cáo phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- + Hình thức, kích thước: Làm bằng khung, rộng 0,75m x dài 2,0m;

- + Chiều cao: Từ mặt lề đường đến cạnh đáy

phướn là 1,4m;

- + Thời hạn treo: Tối đa 15 ngày.

e. Bảng quảng cáo, hộp đèn đứng độc lập

- Trên tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ:

- + Vị trí: Dọc theo các tuyến đường;

- + Kiểu dáng: 01 hoặc 02 chân trụ; hai mặt hoặc nhiều mặt bảng;

- Trên các tuyến đường đô thị:

- + Vị trí: Dọc theo các tuyến đường;

- + Yêu cầu kỹ thuật: Thực hiện theo Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

f. Dọc theo tuyến đường thủy nội địa:

- Vị trí: Tại khu vực có kè ốp bờ; khoảng cách tối thiểu từ đỉnh kè đến cạnh gần nhất của bảng quảng cáo, hộp đèn là 10m (về phía bờ); không được che khuất biển báo hiệu, tầm nhìn của người điều khiển phương tiện đường thủy;

- Kiểu dáng: 01 chân trụ; 01 mặt hoặc nhiều mặt bảng;

- Kích thước tối đa 40 mét vuông (m<sup>2</sup>).

g. Trong công viên:

- Kích thước tối đa 40m<sup>2</sup>;

- Kiểu dáng: 01 chân trụ; 01 mặt hoặc nhiều mặt bảng;

- Chiều cao tối thiểu 5m và tối đa 10m tính từ mặt đường đến mép dưới của bảng quảng cáo, hộp đèn.

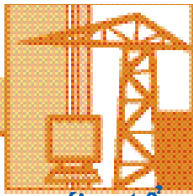
h. Trong khuôn viên các nhà ga, sân bay, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, chợ, trung tâm thương mại, siêu thị:

- Kích thước tối đa 40m<sup>2</sup>;

- Kiểu dáng: 01 chân trụ; 01 mặt hoặc nhiều mặt bảng;

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/8/2020.

**Xem toàn văn tại ([www.phuyen.gov.vn](http://www.phuyen.gov.vn))**



## **Nghiên cứu tổng hợp thực trạng sử dụng các sản phẩm sơn chống ăn mòn, chịu môi trường xâm thực cho bê tông và bê tông cốt thép**

Ngày 28/8/2020, Bộ Xây dựng tổ chức Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu tổng hợp thực trạng sử dụng các sản phẩm sơn chống ăn mòn, chịu môi trường xâm thực cho bê tông và bê tông cốt thép ; phân tích đánh giá ưu, nhược điểm của từng loại và đề xuất các giải pháp nghiên cứu khắc phục”. Đề tài do Viện Vật liệu xây dựng (VIBM) thực hiện. Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường Vũ Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Bảo vệ đề tài trước Hội đồng, TS. Trinh Minh Đạt - Chủ nhiệm đề tài cho biết, Việt Nam có đường bờ biển dài hơn 3.200km với rất nhiều công trình bê tông cốt thép nằm trải dài từ Bắc vào Nam. Tuy nhiên, do Việt Nam có điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm mưa nhiều cùng với nồng độ muối trong không khí ở khu vực ven biển cao nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ăn mòn đối với bê tông, bê tông cốt thép.

Để bảo vệ công trình bê tông, bê tông cốt thép có nhiều biện pháp khác nhau, trong đó sử dụng sơn phủ là một trong những giải pháp có nhiều ưu điểm, được nhiều nước trên thế giới và Việt Nam sử dụng. Tuy nhiên ở Việt Nam, việc tổng quan thực trạng sử dụng cũng như phân tích, đánh giá ưu, nhược điểm của từng loại sơn và đề xuất giải pháp khắc phục chưa được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng. Vì vậy, việc thực hiện đề tài là đặc biệt cần thiết.

Nội dung Báo cáo tổng kết đề tài bao gồm các nội dung: Tổng quan chung; tình hình nghiên cứu và sử dụng sơn bảo vệ bê tông và bê tông cốt thép trong, ngoài nước; các phương pháp chống ăn mòn; công nghệ sản xuất sơn;



*Toàn cảnh cuộc họp*

kết quả thử nghiệm một số loại sơn; đề xuất giải pháp nghiên cứu sử dụng sơn để bảo vệ bê tông và bê tông cốt thép.

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin, tổng hợp tài liệu trong nước, quốc tế đồng thời tổ chức điều tra, khảo sát thực tiễn một số công trình xây dựng bằng bê tông, bê tông cốt thép nằm trong vùng khí hậu biển Việt Nam cũng như tiến hành thí nghiệm gia tốc thời tiết một số chủng loại sơn chống ăn mòn trong phòng thí nghiệm.

Từ các kết quả nghiên cứu và điều tra, khảo sát thực tế, nhóm nghiên cứu tổng kết, đề xuất các giải pháp đảm bảo tuổi thọ công trình bê tông, bê tông cốt thép, bao gồm: Nghiên cứu thiết kế chu kỳ thi công các loại sơn phủ bảo vệ bê tông và bê tông cốt thép khi sử dụng tại các vùng khí hậu biển đảo; nghiên cứu ứng dụng các loại sơn phủ bảo vệ kết cấu bê tông và bê tông cốt thép mới và cũ tại các vùng biển đảo; nghiên cứu sử dụng các loại phụ gia ức chế ăn mòn bê tông gốc silane; nghiên cứu các biện pháp thi công sửa chữa các công trình bê tông và bê tông cốt thép bị ăn mòn có sử dụng vật

liệu sơn.

Theo Hội đồng đánh giá, nhóm nghiên cứu Viện Vật liệu xây dựng đã hoàn thành đầy đủ những yêu cầu, nhiệm vụ theo nội dung hợp đồng đã ký. Báo cáo tổng kết đã tổng quan được tình hình ăn mòn của bê tông, bê tông cốt thép trong môi trường biển đảo Việt Nam. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra, khảo sát thực trạng tình hình sử dụng sản phẩm sơn bảo vệ bê tông và bê tông cốt thép cho các công trình biển đảo trong và ngoài nước, tiến hành phân tích đánh giá ưu, nhược điểm của từng loại sơn và đề xuất các giải pháp nghiên cứu khắc phục hợp lý.

Tuy nhiên, theo Hội đồng, nhóm nghiên cứu cần làm rõ tính ứng dụng cũng như tiến hành

phân nhóm để tạo sự thuận lợi trong việc so sánh, đánh giá các loại sơn; bổ sung hướng dẫn nhằm giúp đơn vị tư vấn, người sử dụng lựa chọn sản phẩm sơn phù hợp nhất, đồng thời rà soát, biên tập hoàn thiện Báo cáo tổng kết đề tài, sớm trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu tổng hợp thực trạng sử dụng các sản phẩm sơn chống ăn mòn, chịu môi trường xâm thực cho bê tông và bê tông cốt thép; phân tích đánh giá ưu, nhược điểm của từng loại và đề xuất các giải pháp nghiên cứu khắc phục”, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

## **Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu thiết kế mẫu nhà ở đô thị và nông thôn phù hợp các vùng, miền toàn quốc”**

Ngày 27/8/2020, Bộ Xây dựng tổ chức Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu thiết kế mẫu nhà ở đô thị và nông thôn phù hợp các vùng, miền toàn quốc”. Đề tài do Viện Kiến trúc quốc gia (VIAR) thực hiện. Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Bảo vệ đề tài trước Hội đồng, TS. KTS. Nguyễn Tất Thắng - Chủ nhiệm đề tài nêu lên lý do, sự cần thiết phải nghiên cứu thiết kế mẫu nhà ở đô thị và nông thôn phù hợp các vùng, miền toàn quốc, đồng thời cho biết, mục tiêu của đề tài nhằm: Cụ thể hóa Chiến lược Phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; đánh giá thực trạng phát triển nhà ở đô thị và nông thôn tại các vùng, miền trên toàn quốc; đánh giá ưu, nhược điểm các mẫu nhà ở đô thị và nông thôn hiện hữu, đặc biệt là các mẫu nhà được xây dựng theo các chương trình phát triển về nhà ở đã, đang được thực hiện.



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp

Bên cạnh đó, đề tài còn nhằm đánh giá ưu, nhược điểm của cơ chế chính sách quản lý về nhà ở, công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng ở các địa phương; đưa ra các cơ sở khoa học thiết kế nhà ở đô thị và nông thôn; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách quản lý nhà ở để các tổ chức, doanh nghiệp địa phương và người dân có thể áp dụng các mẫu nhà được hiệu quả nhất, để xuất một số mẫu nhà ở đô thị và nông

thôn mang bản sắc văn hóa vùng miền, đề xuất mô hình áp dụng thiết kế điển hình theo hình thức xây dựng thực nghiệm.

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu áp dụng nhiều phương pháp khoa học khác nhau, đồng thời tiến hành điều tra, khảo sát các loại hình nhà ở, kết hợp xây dựng luận cứ khoa học đưa ra các mô hình và giải pháp thiết kế nhà ở đô thị và nông thôn phù hợp với các vùng, miền trên toàn quốc. Từ đó thiết lập nhiệm vụ thiết kế cho từng loại nhà; đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về nhà ở cũng như đề xuất cơ chế chính sách áp dụng các mẫu thiết kế điển hình vào thực tiễn cuộc sống.

Đối với nhà ở đô thị, đề tài đề xuất các mô hình và giải pháp đi kèm với xây dựng nhiệm vụ thiết kế nhà ở đô thị phù hợp với 3 miền: Bắc, Trung, Nam, bao gồm: Nhà ở thu nhập thấp, nhà ở công nhân khu công nghiệp, nhà ở cho sinh viên, nhà ở thương mại.

Đối với nhà ở nông thôn, đề tài đề xuất các mô hình và giải pháp đi kèm với xây dựng nhiệm vụ thiết kế nhà ở đô thị phù hợp với 6 vùng, gồm: Vùng Núi phía Bắc, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ, vùng Tây Nam Bộ, bao gồm: Nhà ở khu vực thị trấn, nhà ở trong cụm điểm dân cư nông thôn, nhà ở nông thôn khu vực phát triển du lịch; nhà ở tái định cư.

Kết thúc quá trình nghiên cứu, đề tài kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng làm rõ khái niệm về các loại hình nhà ở đô thị và nông thôn, hình thành các bộ tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng thông qua các Luật: Xây dựng; Nhà ở; Kinh doanh bất động sản. Kết hợp các mẫu thiết kế điển hình hướng tới xây dựng thực nghiệm trước khi xây dựng đại trà; xây dựng hệ thống quy chuẩn địa phương với tiêu chuẩn cơ sở cho các vùng miền để tạo sự đa dạng, phong phú cho kiến trúc vùng, miền; thông qua các cơ chế chính sách giảm thuế đất, tăng cường đầu tư từ doanh nghiệp trong và ngoài nước, khuyến

khích xây dựng nhà ở cho thuê để ổn định cuộc sống cho đối tượng là người có thu nhập thấp.

Theo Hội đồng đánh giá, nhóm nghiên cứu Viện Kiến trúc quốc gia đã hoàn thành đầy đủ những yêu cầu, nhiệm vụ theo nội dung hợp đồng đã ký. Báo cáo tổng kết đa dạng thông tin, nêu lên thực trạng kiến trúc nhà ở đô thị và nông thôn Việt Nam trên toàn quốc, phân chia theo khu vực và chức năng khác nhau. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng nghiên cứu đầy đủ hệ thống cơ chế chính sách về nhà ở, đánh giá được ưu nhược điểm của hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về nhà ở, từ đó đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung cần thiết.

Tuy nhiên, Theo Hội đồng, nhóm nghiên cứu cần rà soát lại Báo cáo tổng kết đề tài, làm rõ sự giống và khác nhau của nhà ở đô thị, nhà ở nông thôn giữa các vùng miền về: điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa...; từ đó làm cơ sở để xuất các mô hình và giải pháp đi kèm với xây dựng nhiệm vụ thiết kế nhà ở đô thị, nhà ở nông thôn phù hợp với các vùng, miền toàn quốc; bổ sung hướng dẫn sử dụng và khái toán kinh phí cho các mẫu nhà, chú ý biên tập các lỗi đánh máy, lỗi chế bản.

Kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng ghi nhận sự nỗ lực, công phu của nhóm nghiên cứu Viện Kiến trúc quốc gia trong quá trình thực hiện đề tài.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn yêu cầu và nhấn mạnh đến tính hiệu quả trong ứng dụng thực tiễn của các mẫu nhà ở đô thị, nhà ở nông thôn đối với đề tài đồng thời đề nghị nhóm nghiên cứu Viện Kiến trúc quốc gia xem xét, tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, sớm hoàn thiện Báo cáo tổng kết và các sản phẩm đề tài, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu thiết kế mẫu nhà ở đô thị và nông thôn phù hợp các vùng miền toàn quốc”, với kết quả đạt loại Khá.

**Trần Đình Hà**

## Nghiệm thu các đề tài nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn quốc gia về kính xây dựng

Ngày 21/8/2020, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp đánh giá, nghiệm thu 3 dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) do Hiệp hội Kính và thủy tinh Việt Nam thực hiện, gồm: TCVN “Kính xây dựng - Kính an ninh - Phân loại và thử nghiệm độ bền chống đột nhập”; TCVN “Kính xây dựng - Kính an toàn tối ưu nhiệt” và TCVN “Kính xây dựng - Kính an ninh - Phân loại và thử nghiệm độ bền chống đạn”. Chủ tịch Hội đồng là PGS.TSKH Nguyễn Anh Dũng, Trường đại học Bách khoa Hà Nội.

Bảo vệ đề tài trước Hội đồng, TS. Kiều Lê Hải - Phó Chủ nhiệm đề tài nêu lên lý do, sự cần thiết phải xây dựng 3 Tiêu chuẩn Việt Nam nêu trên đồng thời cho biết, các tiêu chuẩn này được chuyển dịch tương đương từ tiêu chuẩn ISO. Trong đó, TCVN “Kính xây dựng - Lắp kính an ninh - Phân loại và thử nghiệm độ bền chống đột nhập” quy định các yêu cầu và phương pháp thử đối với kính an ninh chịu sự va đập bằng cách làm chậm khả năng xâm nhập của người trong một thời gian ngắn. Tiêu chuẩn này xếp hạng kính an ninh theo độ bền chống va đập nhiều lần của một viên bi thép. Việc phân loại kính được quy định trên các tiêu chí riêng cho từng ứng dụng cụ thể. Tiêu chuẩn này chỉ liên quan đến độ bền cơ học chống va đập.

TCVN “Kính xây dựng - Kính an toàn tối ưu nhiệt” quy định các định nghĩa sản phẩm, các đặc tính kỹ thuật như sai lệch kích thước, độ phẳng, gia công cạnh, mảnh vỡ và các đặc tính cơ lý của kính an toàn tối ưu nhiệt dùng trong xây dựng. Các yêu cầu khác không được nêu trong tiêu chuẩn này có thể được áp dụng cho kính an toàn tối ưu nhiệt dùng trong các tổ hợp như: Kính dán hoặc kính hộp cách nhiệt, hoặc các loại kính được xử lý bổ sung (như kính phủ). Tiêu chuẩn này không áp dụng cho kính tối ưu nhiệt cong.

TCVN “Kính xây dựng - Kính an ninh - Phân



*Toàn cảnh cuộc họp*

loại và thử nghiệm độ bền chống đạn” quy định các phương pháp thử để đánh giá độ bền của kính an ninh chống đạn, phân loại theo vũ khí và đạn. Phân loại về độ bền chống đạn của kính trong tiêu chuẩn này là phân loại về mặt kỹ thuật, dựa trên các loại vũ khí và đạn thông dụng, theo thứ tự sức công phá. Do không thể xem xét đối với tất cả các loại vũ khí và đạn nên cần lựa chọn các chỉ tiêu có thể áp dụng cho đa số các loại vũ khí. Việc lựa chọn loại kính chống đạn do người sử dụng quyết định, tùy theo từng trường hợp cụ thể. Tiêu chuẩn này áp dụng cho kính xây dựng, dùng trong nội ngoại thất, chịu sự tấn công bằng súng ngắn, tiểu liên, súng máy, súng trường hoặc súng săn.

Theo TS. Kiều Lê Hải, sau khi được nghiệm thu và đưa vào sử dụng, TCVN “Kính xây dựng - Kính an ninh - Phân loại và thử nghiệm độ bền chống đột nhập”; TCVN “Kính xây dựng - Kính an toàn tối ưu nhiệt” và TCVN “Kính xây dựng - Kính an ninh - Phân loại và thử nghiệm độ bền chống đạn” sẽ giúp các đơn vị tư vấn, chủ đầu tư cũng như người tiêu dùng có cơ sở lựa chọn sử dụng loại kính xây dựng - kính an ninh phù hợp với mục đích của mình trong từng trường hợp cụ thể.

Tại cuộc họp, nhằm nâng cao chất lượng

Báo cáo thuyết minh và dự thảo các tiêu chuẩn do Hiệp hội Kính và thủy tinh Việt Nam thực hiện, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng đã có những nhận xét, góp ý giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa. Cụ thể, các dự thảo tiêu chuẩn nêu trên cơ bản bám sát bản gốc và đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu cần sử dụng chính xác, đồng nhất các thuật ngữ khoa học chuyên ngành, xem xét, biên tập các lỗi đánh máy, lỗi chế bản. Đối với các đoạn biên

dịch có sự lược bớt một số ý so với bản gốc, Hội đồng đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét giữ nguyên nội dung chuyển dịch theo bản gốc để đảm bảo tính nhất quán là chuyển dịch tương đương và giữ nguyên nghĩa của bản gốc.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu 3 dự thảo TCVN nêu trên, với kết quả đều đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

## Nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ KHCN do Trường Đại học Xây dựng thực hiện

Ngày 18/8/2020, Bộ Xây dựng đã họp Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả hai nhiệm vụ KHCN do Trường Đại học Xây dựng thực hiện. Đó là các đề tài: “Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí định lượng xác định các điểm ngập úng đường phố và đánh giá ảnh hưởng của ngập úng đến giao thông đô thị”; “Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn quy hoạch, thiết kế và cải tạo nút giao thông cùng mức đô thị Việt Nam”. PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến, nguyên Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) làm Chủ tịch Hội đồng.

Tại Hội đồng, Ths. Ứng Thị Thúy Hà cho biết, xuất phát từ thực trạng vấn đề ngập úng tại các đô thị ở Việt Nam, việc thực hiện đề tài “Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí định lượng xác định các điểm ngập úng đường phố và đánh giá ảnh hưởng của ngập úng đến giao thông đô thị” là cần thiết nhằm tạo cơ sở khoa học trong thực tiễn quản lý, khi mà hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất trong cách hiểu và định lượng các chỉ tiêu đánh giá điểm ngập úng tại các tuyến đường đô thị.

Đánh giá kết quả thực hiện đề tài, các thành viên Hội đồng cho rằng, báo cáo đề tài được



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu

trình bày với cấu trúc khoa học; tổng quan được thực trạng, nhu cầu thực tiễn về việc phải định lượng chỉ tiêu về ngập úng ảnh hưởng đến giao thông đô thị; nghiên cứu phân tích đưa ra được bộ tiêu chí định lượng xác định các điểm ngập úng đường phố và đánh giá ảnh hưởng của ngập úng đến giao thông đô thị. Kết quả đề tài có giá trị tham khảo rất tốt cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành. Tuy nhiên, báo cáo nghiên cứu chưa có phần khái quát, đánh giá về hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến việc tính toán thoát nước nói chung và cho giao thông đô thị nói riêng để có thêm cơ sở khoa học cho việc đánh giá,

ngiên cứu; nên có thêm điều tra về các điểm ngập trong quá khứ, nhất là đối với các thời điểm ngập cao, có tính ảnh hưởng lớn, nhằm có thêm thông tin để đánh giá mức độ ảnh hưởng; số liệu thực trạng đôi chỗ đã quá lạc hậu. Phần kết luận và kiến nghị chưa nêu ra được hướng ứng dụng của nghiên cứu vào công tác quản lý, ví dụ như ứng dụng việc phân loại điểm ngập vào việc gì của hệ thống quản lý hiện nay; Dự thảo sổ tay hướng dẫn bộ tiêu chí đánh giá định lượng các điểm úng ngập trên đường phố chưa làm rõ được mục tiêu của việc đánh giá (để dùng vào việc gì), hướng dẫn cụ thể về phương pháp đánh giá, cách thức đánh giá ...

Hội đồng cũng đã nghe PGS. TS Vũ Hoài Nam chủ nhiệm đề tài “Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn quy hoạch, thiết kế và cải tạo nút giao thông cùng mức đô thị Việt Nam” báo cáo tóm tắt kết quả. Báo cáo đã khái quát được thực trạng và các vấn đề bất cập của hệ thống nút giao thông cùng mức tại các đô thị ở Việt Nam; Hệ thống hóa hệ thống nút giao cùng mức ở Việt Nam và một số nước trên thế giới; Nghiên cứu và đề xuất được phương pháp, trình tự, các số liệu cần thiết, cách thức tính toán... đối với công tác quy hoạch, thiết kế nút giao thông cùng mức; đề xuất phương pháp quy hoạch, thiết kế cho hầu hết các loại hình nút giao thông cùng mức phổ biến;

Với đề tài này, các chuyên gia của Hội đồng đánh giá, báo cáo tổng hợp của đề tài có nội dung rất phong phú, truyền tải nhiều thông tin, khái quát và đề xuất hầu hết các loại hình nút giao thông cùng mức hiện nay ở Việt Nam và các nước khác trên thế giới. Mặc dù vậy, yếu tố

đặc thù trong thực trạng giải pháp truyền thống về quy hoạch, thiết kế nút giao cùng mức đô thị Việt Nam chưa được phân tích sâu, do vậy phần nào đã giảm đi giá trị của nghiên cứu, đồng thời đây cũng là yếu tố còn hạn chế của nghiên cứu so với yêu cầu của nhiệm vụ đặt ra. Sổ tay hướng dẫn có nội dung phong phú, là một tài liệu tham khảo rất tốt cho công tác quy hoạch, thiết kế nút giao thông cùng mức tại các đô thị ở nước ta. Kết quả đề tài có giá trị tham khảo rất tốt cho các tổ chức, cá nhân và cả cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quy hoạch, thiết kế nút giao thông cùng mức tại các đô thị ở nước ta hiện nay. Bên cạnh đó, nội dung báo cáo chưa nêu rõ được thực trạng giải pháp truyền thống trong quy hoạch, thiết kế nút giao thông cùng mức, để qua đó phân tích ưu, nhược điểm làm cơ sở đề xuất giải pháp khắc phục, hoàn thiện đối với công tác quy hoạch, thiết kế hiện nay ở nước ta; Các giải pháp mới về quy hoạch, thiết kế nút giao thông cùng mức được đề xuất trong báo cáo và trong sổ tay hướng dẫn chưa thực sự tách bạch cho trường hợp thiết kế mới và trường hợp thiết kế cải tạo...

Phát biểu kết luận tại Hội đồng, PGS. TS Nguyễn Hồng Tiến nhận xét, về cơ bản, cả hai đề tài đã được thực hiện và trình bày nghiêm túc, có tính khoa học, nội dung của nghiên cứu là rất phong phú, các đề xuất đều có giá trị trong ứng dụng thực tiễn. Hai đề tài đã cơ bản đáp ứng các mục tiêu và yêu cầu đặt ra.

Hội đồng đã bỏ phiếu nhất trí thông qua hai đề tài nói trên, với kết quả đạt loại Khá.

**Ninh Hoàng Hạnh**



## Thực tế sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng

Theo ThS. Nguyễn Huy Quang - Giám đốc Trung tâm Thí nghiệm và kiểm định công trình (thuộc CONINCO), những năm gần đây, việc sử dụng vật liệu xây không nung (VLXKN) trong các công trình xây dựng trên toàn quốc tuy ngày càng phổ biến (chiếm khoảng 25%), nhưng mới chủ yếu được sử dụng trong các công trình có quy định bắt buộc phải sử dụng theo quy định của Nhà nước tại Thông tư 13/2017/TT-BXD ngày 8/12/2017 về quy định sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng và một số công trình văn phòng, chung cư có sử dụng tấm tường thạch cao hoặc tường bê tông ngăn che không gian bên trong để linh hoạt trong việc sửa chữa, di chuyển và đẩy nhanh tiến độ thi công công trình. Các công trình dân sự quy mô nhỏ hoặc vốn tư nhân không bắt buộc sử dụng thì đa số vẫn sử dụng gạch đất sét nung truyền thống do những ưu điểm đã được khẳng định trong thời gian hàng trăm năm qua.

### Các loại VLXKN phổ biến trên thị trường hiện nay

*Gạch không nung tự nhiên và gạch papanh:* Sản xuất với nguyên liệu từ xỉ than, vôi bột và xi măng trộn đều bằng máy hoặc thủ công, gạch không nung papanh được đóng bằng tay hoặc máy công suất nhỏ với áp suất độ nén thấp;

*Gạch không nung xi măng cốt liệu hay còn gọi là gạch block:* Sản xuất với nguyên liệu từ xỉ măng và một số thành phần như mật đá sạch, cát đen, xỉ than nhiệt điện, cát vàng, phế thải công nghiệp. Với khả năng chịu lực tốt nhất trong các loại gạch không nung (trên 80 kg/cm<sup>2</sup>) tỉ trọng cũng lớn nhất (trên 1.900 kg/m<sup>3</sup>) đối với gạch đặc nhưng vẫn nhỏ hơn so với gạch đất nung;

*Gạch không nung bê tông nhẹ hoặc siêu nhẹ:* Gạch không nung bê tông bọt sản xuất với nguyên liệu là xi măng, tro bay từ các nhà máy

nhiệt điện, cát mịn kèm phụ gia tạo bọt, hỗn hợp tạo bọt được trộn riêng rồi phối với nguyên liệu còn lại;

Gạch không nung bê tông khí chung áp AAC (Autoclaved Aerated Concrete) hay còn gọi là gạch nhẹ hay gạch siêu nhẹ được sản xuất với nguyên liệu là nước, xi măng, đá vôi, thạch cao, cát vàng, bột nhôm, chất tạo khí;

### Tấm tường bê tông rỗng lắp ghép

Tấm tường thạch cao là một trong những vật liệu phổ biến dùng để làm trần hoặc tường nội thất trong xây dựng gia dụng và thương mại. Vật liệu này ngày càng được sử dụng nhiều hơn trong xây dựng dân dụng và công nghiệp do có đặc tính thi công nhanh gọn, tính thẩm mỹ cao, không độc hại, không cháy, cách âm, cách nhiệt.

### Nhược điểm của VLXKN

Nhược điểm của VLXKN hiện nay là gây ra hiện tượng nứt tường với mật độ khá nhiều do sự giãn nở nhiệt và hút ẩm lớn của loại vật liệu này. Các vết nứt chủ yếu xuất hiện trong giai đoạn hoàn thiện công trình, theo mạch xây. Độ bám dính vữa trát với tường kém hơn so với gạch nung. Nếu sử dụng lưới thép để giảm thiểu vết nứt thì giá thành thành phẩm cho mỗi m<sup>2</sup> tường cao, khó áp dụng. Với các tấm tường bê tông ghép mạch: Sau thời gian 1-3 năm xuất hiện vết nứt tại vị trí ghép tấm.

Với tấm tường bê tông dạng ghép block, không trát: Tỉ lệ nứt tường rất cao, đặc biệt các vị trí có giảm yếu như cửa đi, cửa sổ. Khó áp dụng xây tường cho nhà cao tầng do có chuyển vị lớn hơn nhà thấp tầng. Bên cạnh đó, thợ xây chưa quen và chưa được đào tạo, tập huấn thao tác xây, trát, lắp đặt thiết bị âm tường đối với tường sử dụng gạch không nung. Việc cắt, khoan tường, khối xây để thi công các đường ống điện, nước, hệ thống thông tin... còn gặp khó khăn.

## **Công tác chế tạo, sản xuất vật liệu không nung**

Thực hiện chương trình phát triển VLXKN đến năm 2020 theo Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ, ngành VLXKN đã có những bước phát triển đáng ghi nhận. Số lượng doanh nghiệp đầu tư dây chuyền sản xuất trong lĩnh vực này ngày càng nhiều, cung cấp đáng kể cho thị trường; góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Từ chỗ chỉ có những dây chuyền nhỏ công nghệ thấp được sản xuất tại các doanh nghiệp cơ khí trong nước hoặc nhập khẩu từ Trung Quốc thì nay nhiều đơn vị đã trang bị những dây chuyền công suất lớn công nghệ tiên tiến của các nước phát triển như Đức, Nhật, Hàn Quốc... Nhiều công ty về xây dựng, bất động sản cũng tham gia vào lĩnh vực sản xuất VLXKN. Do vậy thị trường khá đa dạng chủng loại, mẫu mã đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng.

### **Công tác thiết kế, thẩm định thiết kế**

VLXKN đã trở nên quen thuộc và bắt buộc sử dụng đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Các đơn vị thiết kế cũng đã được tiếp cận và có kinh nghiệm để lựa chọn vật liệu xây cho công trình. Tuy nhiên, kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng còn chưa hiểu rõ về chất lượng với từng loại VLXKN do chưa được tiếp xúc nhiều và trải nghiệm chất lượng công trình theo thời gian nên khi lựa chọn VLXKN chủ yếu dựa vào thông tin do nhà cung cấp gạch quảng cáo. Chỉ dẫn kỹ thuật thi công chủ yếu lấy từ nhà sản xuất, kinh nghiệm thực tế chưa được đưa vào trong công tác lập chỉ dẫn kỹ thuật, hướng dẫn công nhân thi công.

Công tác thiết kế chủ yếu mới chỉ đưa ra phương án sử dụng VLXKN để đáp ứng yêu cầu theo quy định của Nhà nước và đưa vật liệu vào theo sự tiếp cận thông tin với một số nhà cung cấp gạch.

### **Công tác thẩm tra, thẩm định, thi công**

Trong 10 năm trở lại đây, việc sử dụng VLXKN đã dần phổ biến trong công trình xây

dựng, vì vậy từ các đơn vị thiết kế đến nhà thầu thi công, công nhân trực tiếp xây cũng đã tích lũy được tương đối nhiều kinh nghiệm trong công tác thi công VLXKN.

Tuy nhiên, công tác thẩm tra, thẩm định hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc đối chiếu việc công trình có sử dụng VLXKN đáp ứng yêu cầu theo quy định của Nhà nước là đạt yêu cầu; công tác thi công với gạch không nung còn một số khó khăn như: Thợ xây phổ thông không được đào tạo, phổ biến về quy trình cũng như chỉ dẫn kỹ thuật thi công cho công tác xây gạch không nung; cấp phối vữa tại công trường còn khó kiểm soát. Vật liệu ngâm nước nhanh, hay bị tách mạch vữa; thao tác khi cắt, chặt viên gạch của người thợ còn chưa quen, chặt gạch nát vụn, hao hụt lớn, vật liệu yếu, dễ vỡ. Một số loại gạch khổ to khó bê vác dịch chuyển khiến các nhà thầu xây dựng tương đối ngại khi nhận công trình sử dụng vật liệu xây không nung, hay phải sửa chữa, bảo hành dẫn đến mất nhiều chi phí, dễ lỗi.

### **Công tác quản lý chất lượng**

Hiện nay, chủng loại VLXKN trên thị trường Việt Nam khá nhiều. Việc quản lý chất lượng sản phẩm VLXKN ở nhiều nơi chưa được bảo đảm theo quy định. Nhiều sản phẩm không đạt chất lượng, gạch chưa đảm bảo đủ thời gian đông kết nên khi thi công đã xảy ra hiện tượng co ngót, rạn nứt hoặc tường bị thấm... vẫn đưa vào công trình, gây nên sự cố.

Về mặt cường độ gạch để đảm bảo, nhưng về độ hút ẩm, chống thấm, ổn định nứt theo thời gian chưa có nhiều thời gian để kiểm chứng, đặc biệt với các công trình có biến dạng tường hoặc chuyển vị lớn. Việc lựa chọn cấp phối vữa phù hợp cũng là vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng tường xây.

### **Công tác giám sát, kiểm định, thí nghiệm vật liệu không nung**

Với những nhược điểm nêu ở trên, quy trình giám sát công tác xây VLXKN đòi hỏi rất cầu kỳ, kỹ càng từ khâu sản xuất vật liệu đến vận

chuyển thi công tại công trường. Mỗi loại vật liệu không nung khác nhau có yêu cầu kỹ thuật cũng như yêu cầu về nghiệm thu có thể khác nhau gây khó khăn cho công tác giám sát, nghiệm thu và xử lý sự cố khi tường xây bị nứt trong quá trình hoàn thiện công trình.

Các tài liệu, tiêu chuẩn hướng dẫn thi công nhiều nhưng không rõ ràng, cụ thể và có thể mới chỉ ở mức độ lý thuyết. Thực tế thi công còn nhiều bất cập dẫn đến chất lượng tường xây chưa đảm bảo gây khó khăn trong quá trình nghiệm thu đưa vào sử dụng. Khi có sự cố thì trách nhiệm được dồn về nhà thầu và tư vấn giám sát. Công tác thí nghiệm với vật liệu xây không nung đòi hỏi yêu cầu phức tạp hơn so với gạch nung bình thường từ gia công mẫu đến thời gian từ khi sản xuất đến khi đi thí nghiệm.

Trong khi đó công tác quản lý nhà nước đối với việc sử dụng vật liệu không nung trong các công trình xây dựng đã được thực hiện tương đối tốt, từ việc thẩm định hồ sơ thiết kế, công tác thanh tra và cuối cùng là nghiệm thu đưa vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng của Bộ Xây dựng và các Sở Xây dựng địa phương.

### **Kiến nghị**

Không thể phủ nhận những thành tựu về chương trình phát triển VLXKN trong 10 năm trở lại đây, ngành VLXKN đã có những bước phát triển đáng kể và VLXKN đã chiếm được tỉ lệ không nhỏ trong toàn ngành vật liệu xây dựng.

Bên cạnh những ưu điểm, những đóng góp trong công tác bảo vệ môi trường thì vẫn còn có những tồn tại khiến nhiều chủ đầu tư, nhà thầu e ngại.

Do đó, theo ThS. Nguyễn Huy Quang, Bộ Xây dựng cần soát xét, hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy trình kỹ thuật, quy phạm, hướng dẫn thi công và các định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến sản xuất và sử dụng gạch xây không nung, tạo điều kiện cho các nhà tư vấn, thiết kế đưa gạch xây không nung vào công trình. Với mỗi loại vật liệu thông dụng, nên xây dựng tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu riêng; cần giao cho các Vụ, Cục chuyên môn khảo sát, nghiên cứu kỹ một số công trình sử dụng VLXKN để có đánh giá chi tiết, rút kinh nghiệm và đưa ra khuyến cáo đối với những vật liệu xây dễ nứt tường để các chủ đầu tư cũng như các nhà thầu, nhà cung cấp vật liệu rút kinh nghiệm lựa chọn vật liệu phù hợp cho công trình đảm bảo chất lượng, tránh những quan niệm không thiện cảm với công trình sử dụng vật liệu này; yêu cầu các đơn vị sản xuất VLXKN có những tiếp thu, đánh giá thực trạng về các công trình đã sử dụng vật liệu của mình để cải tiến, xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật, hướng dẫn quy trình thi công chi tiết, đưa ra giải pháp về vật liệu nhằm hạn chế những nhược điểm nêu trên.

**Trần Đình Hà**

## **Những xu thế hiện đại để kết hợp cảnh quan và kiến trúc**

Hiệp hội Kiến trúc sư cảnh quan Mỹ đã định nghĩa kiến trúc cảnh quan là “nghệ thuật thiết kế, quy hoạch, quản lý, hài hòa các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo, có tính tới các đặc điểm văn hóa và các quy tắc phát triển bền vững khu vực lãnh thổ”.

Kiến trúc cảnh quan đem lại khả năng giải quyết rất nhiều vấn đề phức tạp trong thiết kế

môi trường xung quanh. Kiến trúc sư cảnh quan phải có kiến thức và các kỹ năng trong nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau, bao gồm nghệ thuật, cảm quan hội họa, sinh thái học, địa lý, kinh tế. Bên cạnh đó, khi làm việc với một dự án mới cụ thể, kiến trúc sư cần phải tính đến lịch sử của địa điểm, các yếu tố xã hội và các nhu cầu của cộng đồng địa phương.



*Cira Green trên nóc gara 11 tầng, liền kề tòa nhà 34 tầng (Philadelphia, Mỹ)*

Bài viết sẽ đề cập tới ba dự án vườn được xem như những hiện tượng mới trong lĩnh vực thiết kế cảnh quan hiện đại. Các dự án được thực hiện tại những địa điểm khác nhau, với điều kiện khác nhau, song đều chung nhiệm vụ mục tiêu là thống nhất và hài hòa các yếu tố thiên nhiên với kiến trúc hiện đại.

### **Không gian công cộng trên mái tòa nhà 11 tầng tại Philadelphia (2016)**

Khi đặt hàng kiến trúc sư Erdy McHenry thực hiện dự án tổ hợp đa năng 34 tầng trên một khu đất hẹp bên bờ sông Schuylkill, công ty Brandywine Realty Trust đã đề xuất hình thành một không gian công cộng trên mái gara 11 tầng liền kề tổ hợp. Vườn trên mái Cira Green được hình thành từ ý tưởng này, và được kết nối hữu cơ với các không gian sống trong tổ hợp.

Mặc dù nằm ở độ cao 100 feet so với mặt đất, trên đỉnh của một cấu trúc bê tông, Cira Green vẫn tạo cảm giác một công viên thực thụ, với các lối đi, băng ghế dài và những bãi cỏ xanh để nghỉ ngơi.

Mái xanh có diện tích 1500m<sup>2</sup>, có hệ thống tích nước mưa và liên tục cấp nước cho thực vật được trồng. Các thảm cỏ xanh mượt được thiết kế ở nhiều mức khác nhau, tạo những diện tích bổ sung để tổ chức các sự kiện như hòa nhạc, chiếu phim. Cira Green cũng là địa điểm ưa thích để tổ chức các lễ hội, các buổi gặp mặt truyền thống giữa các câu lạc bộ thể thao, các tổ chức chính trị, do có một tầm nhìn lý tưởng – đường ray xe



*Khu Bảo tàng Nghệ thuật đương đại tại Glenstone (Mỹ)*

lửa, đường cao tốc và sông Schuylkill bên dưới đã ngăn không cho bất cứ công trình cao tầng nào có thể “mọc” lên quanh đó. Những sự kiện diễn ra tại Cira Green khiến cuộc sống đô thị của Philadelphia thêm phong phú.

### **Bảo tàng Nghệ thuật đương đại và công viên cây xanh tại Glenstone (2013 - 2018)**

Để vào Bảo tàng Glenstone, du khách trước hết sẽ băng qua khu rừng, sau đó qua cây cầu bắc ngang ngòi sông, tiếp theo qua cánh đồng cỏ, rồi tiến theo một con đường rải sỏi vào tổ hợp bảo tàng. Những khối hộp bằng bê tông rất sắc nét trở nên mềm mại hơn nhờ chìm vào đất và nhờ những đường viền đẹp mắt của cây cỏ dọc theo các khối nhà. Mười một gallery với hình khối và chiều cao khác nhau, được kết nối bởi những lối đi nhỏ lắp kính, qua đó khách sẽ tới một sân rộng 5400 m<sup>2</sup> và ao nước. Các kiến trúc sư bố trí các gian phòng ở ba mức khác nhau. Lối vào chính nằm ở tầng một; các gallery, sân và văn phòng ở mức thấp hơn; còn các gian phòng chức năng và kho được bố trí ở tầng hầm sâu dưới lòng đất. Các không gian của hai mức trên cùng về ban ngày hầu như được chiếu sáng tự nhiên nhờ những ô cửa sổ lớn. Trung tâm bố cục, điểm nhấn của tổ hợp bảo tàng là hồ nước với những khóm hoa tươi tốt trong hồ. Sân và hồ nước được biệt lập hoàn toàn khỏi thế giới bên ngoài bởi những bức tường của khu bảo tàng, giúp bảo tồn hệ sinh thái điển hình (biogeocenosis) bên trong đó.



*Hệ sinh thái nước bên trong Bảo tàng Nghệ thuật đương đại Glenstone*

Khu công viên chiếm trọn 120 ha đất vùng ngoại ô Maryland, cách Thủ đô Washington khoảng 25 km, là tác phẩm có sự tham gia của kiến trúc sư cảnh quan Adam Greenspan. Từ 2013 - 2018, hơn 7000 cây đã được đưa đến trồng trong công viên, cùng hàng ngàn bụi cây, khóm thực vật, các giống cỏ một năm và lâu năm, các loài hoa. Cây trồng trong công viên chủ yếu là các loài thực vật địa phương dễ thích nghi với khí hậu khu vực. Công viên bao gồm các lối đi bộ, đường mòn, các con suối nhỏ, đồng cỏ, rừng cây và khu vực dành để trưng bày các tác phẩm điêu khắc. Trên đồng cỏ bao quanh tổ hợp bảo tàng mọc các loài cỏ dại, hoa đồng nội, góp phần duy trì hệ sinh thái cân bằng.

“Trung thành với cách tiếp cận hữu cơ với thiên nhiên, tìm những giải pháp mềm thay thế các vật chất có tính xâm thực mạnh nhằm bảo đảm môi trường lành mạnh cho khách tham quan, đồng thời duy trì điều kiện sinh tồn cho thiên nhiên hoang dã khu vực bản địa” (Adam Greenspan). Trong công viên có trung tâm giáo dục môi trường, nơi mọi người có thể học cách sử dụng hợp lý các yếu tố thiên nhiên, cách tái tạo, gìn giữ tài nguyên nước.

### **Water Garden tại Nhật Bản (2018)**

Water Garden là một cấu trúc kết hợp trong đó các yếu tố thiên nhiên và yếu tố nhân tạo của một khu vườn. Chính xác hơn đây là khu rừng với rất nhiều cây và một mê cung ao đầm độc đáo. Kiến trúc sư Junya Ishigami đã thiết kế



*Water Garden tại Nasu (Nhật Bản)*

khu vườn trên lãnh thổ liền kề một khách sạn tại thành phố Nasu tỉnh Tochigi (Nhật Bản) - khu vực nổi tiếng bởi những nguồn khoáng nóng, cảnh quan nên thơ và những khu nghỉ dưỡng.

Lịch sử hình thành Water Garden rất thú vị - kiến trúc sư đề xuất chuyển các cây (đã được đánh dấu chặt hạ để giải phóng mặt bằng xây khách sạn) sang lãnh thổ của cánh đồng cỏ liền kề (và sau đó trở thành một phần của tổ hợp khách sạn).

Hàng trăm ao đầm nhỏ đủ mọi hình thù được hợp nhất thành hệ thống tưới tiêu thống nhất, có chức năng duy trì mực nước. Những đường đá nhỏ tạo nên hệ thống lối đi quanh co giữa rừng cây. Trong ý tưởng về khu vườn nước, Junya Ishigami đã cố gắng tái hiện lịch sử của chính khu vực này – từ một cánh rừng rêu phong biến thành đồng lúa, sau đó lại biến hình thành một rừng cây tuyệt đẹp. Cây cối, mặt nước, rêu cỏ - ba yếu tố này được kết hợp khéo léo để tạo cảnh quan mới.

Cả ba khu vườn trong bài viết này đều phản ánh các định hướng cơ bản để phát triển các không gian xanh - hình thành bầu khí quyển đặc biệt cho khách tham quan, trở về các hình thức tự nhiên trong cảnh quan đô thị, và lối ứng xử trân trọng đối với các yếu tố tự nhiên.

**M.Lazareva**

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc & Xây dựng Nga  
số 1/2020*

**ND: Lê Minh**

## Trao tặng Kỷ niệm chương cho Giám đốc quốc gia GIZ tại Việt Nam

Ngày 18/8/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức lễ trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho TS. Jasper Abramowski - Giám đốc quốc gia, Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ) tại Việt Nam.

Phát biểu tại buổi lễ, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn ghi nhận và đánh giá cao những đóng góp quan trọng của TS. Jasper Abramowski đối với sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng Việt Nam.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn, những năm qua, với vai trò Giám đốc quốc gia, Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ) tại Việt Nam, TS. Jasper Abramowski đã thúc đẩy triển khai nhiều dự án quan trọng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Xây dựng, đặc biệt là trong lĩnh vực thoát nước, xử lý nước thải, phòng chống thiên tai, phát triển bền vững các đô thị, giúp tăng cường quan hệ hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam với các Bộ, cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ Đức.

Bày tỏ sự vui mừng khi đón nhận Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng - Phần thưởng cao quý nhất của ngành Xây dựng Việt Nam, TS. Jasper Abramowski cảm ơn lãnh đạo Bộ Xây dựng và các đơn vị thuộc Bộ đã quan tâm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để ông hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của mình trong nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam.

TS. Jasper Abramowski cho biết, sau này dù công tác ở cương vị nào, ông cũng sẽ nỗ lực thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam với các Bộ, cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ Đức, đồng thời hi vọng một ngày không xa ông sẽ có dịp quay trở lại thăm đất nước và con người Việt Nam.

Trước đó, ngày 12/8/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức lễ trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho ông Kim



*Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho TS. Jasper Abramowski*



*Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng và tặng hoa ông Kim Hongrak*

Hongrak - Tham tán Đất đai, cơ sở hạ tầng và giao thông Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam.

Phát biểu tại buổi lễ, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đánh giá ông Kim Hongrak đã có nhiều đóng góp trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam với Bộ Đất đai, cơ sở hạ tầng và giao thông Hàn Quốc, Đại sứ quán Hàn Quốc cũng như các tổ chức, cơ quan thuộc Chính phủ Hàn Quốc, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng, phát triển đô thị tại Việt Nam.

Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn hi vọng, sau này trên cương vị mới, ông Kim Hongrak vẫn sẽ

có những đóng góp quan trọng nhằm phát triển bền vững ngành Xây dựng Việt Nam.

Bày tỏ sự vui mừng khi được Bộ Xây dựng trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng - Phần thưởng cao quý nhất của ngành Xây dựng Việt Nam, ông Kim Hongrak cảm ơn lãnh đạo Bộ Xây dựng, lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng đã quan tâm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để ông hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của mình trong nhiệm kỳ công tác tại

Việt Nam.

Ông Kim Hongrak cho biết, sau khi trở về Hàn Quốc, dù công tác trên bất kỳ cương vị nào, ông cũng sẽ nỗ lực đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam với Bộ Đất đai, cơ sở hạ tầng và giao thông Hàn Quốc cũng như các Bộ chuyên ngành khác thuộc Chính phủ Hàn Quốc.

**Trần Đình Hà**

## **Hội nghị Thẩm định Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Ngày 26/8/2020, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà - Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị Thẩm định Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hội nghị diễn ra theo hình thức trực tuyến tại 3 điểm cầu: Hà Nội, Đà Nẵng và Singapore, với sự tham dự của Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn - Phó Chủ tịch Hội đồng, Bí thư Thành ủy Đà Nẵng Trương Quang Nghĩa, Chủ tịch UBND TP. Đà Nẵng Huỳnh Đức Thơ, đại diện đơn vị tư vấn tại Singapore.

Theo Báo cáo thuyết minh Đồ án, quy mô lập quy hoạch chung TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gồm toàn bộ địa giới hành chính TP. Đà Nẵng, có tổng diện tích khoảng 129.046ha (trong đó, diện tích đất liền là 98.546ha, diện tích huyện Hoàng Sa là 30.500ha), phía Bắc giáp tỉnh Thừa - Thiên Huế, phía Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp biển Đông.

TP. Đà Nẵng được quy hoạch với tính chất, chức năng là đô thị loại I trực thuộc Trung ương, trung tâm kinh tế lớn của quốc gia về du lịch, công nghiệp, thương mại, dịch vụ tài chính ngân hàng, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển đô thị quốc gia; là trung tâm văn hóa thể dục thể thao, giáo dục đào tạo, trung tâm



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà - Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị*

khoa học kỹ thuật và công nghệ của khu vực miền Trung, Tây Nguyên; là đầu mối giao thông, viễn thông quan trọng trong vùng, quốc gia và quốc tế; là một trong những địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh của khu vực Nam Trung Bộ, Tây nguyên và cả nước.

Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch nhằm xây dựng TP. Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á với vai trò là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; trung tâm văn hóa, giáo dục, y tế chất lượng cao, khoa học công nghệ phát triển của cả nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và



*Bí thư Thành ủy Đà Nẵng Trương Quang Nghĩa phát biểu tại điểm cầu trực tuyến TP. Đà Nẵng*



*Đơn vị tư vấn tham dự hội nghị tại điểm cầu trực tuyến Singapore*

quốc tế; thành phố cảng biển; đô thị biển quốc tế với vị trí hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên; thành phố đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, đáng sống; đảm bảo vững chắc quốc phòng an ninh và chủ quyền biển đảo.

Quy hoạch TP. Đà Nẵng tầm nhìn đến năm 2045 trở thành đô thị lớn, thông minh, sáng tạo, có bản sắc và phát triển bền vững.

Về cấu trúc đô thị, TP. Đà Nẵng được quy hoạch với cấu trúc cảnh quan gồm 3 vùng đô thị đặc trưng: Vùng ven mặt nước, vùng lõi xanh, vùng sườn đồi và vùng sinh thái (gồm khu vực đồi phía Tây và phía Bắc); Khu du lịch quốc gia Sơn Trà và huyện Hoàng Sa; khu vực các sông, hồ cùng với đường bờ biển trong vùng sinh thái. Quy hoạch TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thiết lập 2 vành đai kinh tế: Vành đai phía Bắc - Vành đai công nghệ cao và cảng biển - Logistics; Vành đai phía Nam - Vành đai đổi mới sáng tạo và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Quy hoạch cũng điều chỉnh cấu trúc đô thị đơn tâm (Thanh Khê và Hải Châu) thành phát triển đa cực với 4 cụm việc làm ưu tiên tập trung gồm: Cụm công nghiệp công nghệ cao; cụm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cụm cảng biển và logistics; cụm đổi mới sáng tạo.

Về định hướng phát triển không gian, khu

vực đô thị hiện hữu sẽ được tái phát triển để hình thành đô thị nén, nâng cao hệ số sử dụng đất và tích hợp với hệ thống giao thông công cộng, kiểm soát hành lang ven biển và kết nối các dự án, ưu tiên phát triển công trình và dịch vụ công cộng. Đối với khu vực phát triển mới, quy hoạch hướng đến mở rộng, phát triển mới các đô thị, hình thành khu vực có chức năng chuyên biệt; thay đổi cơ cấu, hình thành phân bố dân cư và mô hình mới của đô thị bao gồm các tòa nhà cao tầng phục vụ nhu cầu ở của người dân; khai thác các khu vực đồi núi để phát triển dịch vụ du lịch hài hòa hình thái không gian cảnh quan, cấu trúc địa hình; kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng tại phân khu sườn đồi, trung tâm lõi xanh; ưu tiên phát triển các không gian xanh, mật độ xây dựng thấp.

Khu vực nông thôn sẽ được tổ chức lại không gian, cơ cấu, chức năng các khu vực đang trong quá trình đô thị hóa tiệm cận theo các quy chuẩn khu đô thị gắn với gìn giữ bản sắc kiến trúc truyền thống; tạo lập các khu vực dự trữ phát triển cho các giai đoạn sau năm 2030, 2045; khu vực nông thôn tập trung tại huyện Hòa Vang sẽ được cải tạo, chỉnh trang; gắn kết các khu nhà vườn, các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với du lịch sinh thái, bảo tồn thiên nhiên.

Theo quy hoạch, hệ thống trung tâm hành chính của thành phố bao gồm các chức năng



chính trị và hành chính quan trọng như các cơ quan Đảng, chính quyền và các cơ quan khác, với quy mô diện tích khoảng 43ha. Hệ thống trung tâm hành chính cấp quận, huyện với tổng diện tích khoảng 27ha sẽ tiếp tục được cải tạo, nâng cấp, trong đó UBND huyện đảo Hoàng Sa là đơn vị hành chính đặc thù, là đầu mối thực thi các hoạt động đấu tranh, bảo vệ và khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

Cùng với định hướng phát triển không gian đô thị, Đồ án cũng đưa ra các định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; thiết kế đô thị; định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn đô thị và khu vực đô thị trung tâm; định hướng hạ tầng kỹ thuật đô thị về cấp điện và năng lượng, thông tin liên lạc, cấp thoát nước, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang; đánh giá môi trường chiến lược; phân kỳ thực hiện quy hoạch; các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư; đề xuất nguồn lực, nguồn vốn thực hiện quy hoạch.

Để nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh Đồ án, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành, hiệp hội chuyên ngành Trung ương đã có những nhận xét, đánh giá và góp ý giúp đơn vị lập quy hoạch và đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa Đồ án trên các lĩnh vực: Quy hoạch; kiến trúc; giao thông; hạ tầng kỹ thuật; môi trường; đầu tư; tài chính; nông nghiệp; văn hóa; quốc phòng an ninh, ứng phó biến đổi khí hậu.

Phát biểu kết luận hội nghị, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà nhấn mạnh chức năng, vai trò, vị trí quan trọng của TP. Đà Nẵng trong phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và hội nhập quốc tế của khu vực miền Trung, Tây Nguyên và của cả nước.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đánh giá, hồ sơ Đồ án đã tuân thủ đúng theo các trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, được nghiên cứu, xây dựng công phu, kế thừa những kết quả tích

cực trong quá trình thực hiện quy hoạch chung TP. Đà Nẵng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2013; có sự tiếp thu, giải trình cụ thể những ý kiến đóng góp của các Bộ ngành, hiệp hội chuyên ngành Trung ương, cũng như bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc đưa ra các chỉ tiêu quy hoạch, chỉ tiêu sử dụng đất phải dựa trên cơ sở cập nhật các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mới nhất được ban hành, đặc biệt là các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, chỉ tiêu về đất giao thông, công trình công cộng, công viên, bệnh viện, trường học.

Liên quan đến công tác dự báo, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà yêu cầu đơn vị lập quy hoạch và đơn vị tư vấn tuân thủ đúng tầm nhìn và định hướng đã được nêu trong Nghị quyết 43 - NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời làm rõ căn cứ cụ thể trong việc tính toán chỉ số phát triển không gian đô thị theo chiều cao, yêu cầu đảm bảo quốc phòng an ninh cũng như chú trọng yếu tố bản sắc kiến trúc TP. Đà Nẵng, đặc biệt là khu vực 2 bên bờ sông Hàn, bán đảo Sơn Trà, khu vực Trung tâm.

Cảm ơn Bộ trưởng Phạm Hồng Hà và đại diện các Bộ ngành, hiệp hội chuyên ngành Trung ương đã tham dự có những nhận xét, góp ý quan trọng, Bí thư Thành ủy Đà Nẵng Trương Quang Nghĩa cho biết TP. Đà Nẵng và đơn vị tư vấn sẽ nghiêm túc tiếp thu nhằm hoàn thiện Đồ án, đồng thời phấn đấu xây dựng và phát triển TP. Đà Nẵng xứng tầm trung tâm kinh tế lớn của quốc gia về du lịch, công nghiệp, thương mại, dịch vụ tài chính ngân hàng, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển đô thị quốc gia, một đô thị thông minh, bản sắc và thực sự đáng sống.

**Trần Đình Hà**

## Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Hòn La

Ngày 27/8/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2040. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn - Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì hội nghị. Tham dự có ông Trần Phong – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình cùng đại diện Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình, Ban quản lý KKT Hòn La; đại diện các bộ, ngành liên quan, các Hội chuyên ngành, các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Tại Hội nghị, đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ là Viện Quy hoạch Đô thị và Phát triển nông thôn quốc gia (Bộ Xây dựng) đã trình bày tóm tắt báo cáo thuyết minh nhiệm vụ. Theo đó, khu kinh tế (KKT) Hòn La được thành lập tại QĐ số 79/2008/QĐ-TTg ngày 10/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, là một trong 19 KKT ven biển trên cả nước. KKT Hòn La bao gồm 6 xã ven biển của huyện Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình, có tổng diện tích tự nhiên 10.000ha, trong đó phần đất liền khoảng 8.900ha, phần đảo và biển khoảng 1.100ha. Đây là một trung tâm kinh tế quan trọng của tỉnh Quảng Bình, là đầu mối phía Đông, cửa ra biển của hành lang kinh tế đường 12A và KKT cửa khẩu Cha Lo, hành lang QL1 và đường Hồ Chí Minh. Ngoài ra, KKT Hòn La còn nằm trong vùng ảnh hưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, các tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.

Năm 2012, quy hoạch chung xây dựng (QHC XD) KKT Hòn La tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 851/QĐ-TTg. Theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, đồ án QHC XD KKT Hòn La đến nay đã được 8 năm, cần tiến hành xem xét, rà soát đánh giá quá trình thực hiện để điều chỉnh QH phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai



*Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn phát biểu tại Hội nghị*

đoạn của tỉnh, đáp ứng giai đoạn phát triển mới. Cùng với đó, QH tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 hiện nay đang được đơn vị tư vấn hoàn thiện trình thẩm định, phê duyệt, đã có điều chỉnh, thay đổi tác động đến QHC XD KKT Hòn La.

Theo báo cáo của đơn vị tư vấn, đồ án điều chỉnh QHC XD KKT Hòn La giữ nguyên quy mô, diện tích, phạm vi, ranh giới KKT đã được phê duyệt năm 2012; Mục tiêu xây dựng KKT Hòn La trở thành KKT tổng hợp, đa ngành, đa chức năng với trọng tâm là các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch và nông lâm, ngư nghiệp; Khai thác có hiệu quả cảng Hòn La kết nối với QL1, QL12A, cửa khẩu Cha Lo, Cầu Treo, Lao Bảo tạo thành cửa ngõ quan trọng thông ra biển của Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và tiểu vùng sông Mê Kông. Về tính chất, chức năng của KKT Hòn La trong lần điều chỉnh QHC lần này cơ bản tính chất được giữ nguyên theo QHC XD năm 2012 và có bổ sung thêm các yếu tố gắn với liên kết vùng, gắn với bảo tồn sinh thái và ứng phó với BĐKH.

Theo trình bày của đơn vị Tư vấn lập nhiệm vụ, các yêu cầu về nội dung trọng tâm cần nghiên cứu trong quá trình lập điều chỉnh quy



*Toàn cảnh Hội nghị*

hoạch (QH) là: Phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng KKT; Rà soát, đánh giá việc thực hiện đồ án QH KKT năm 2012; Xác định các động lực phát triển KKT và xây dựng các dự báo; Các định hướng về: QH sử dụng đất và phân khu chức năng, phát triển không gian và thiết kế đô thị, phát triển hệ thống hạ tầng KT-XH, hệ thống HTKT; Đề xuất các chương trình dự án ưu tiên đầu tư, nguồn lực thực hiện.

Tại Hội nghị, các thành viên Hội đồng đã đóng góp nhiều ý kiến về nội dung Nhiệm vụ điều chỉnh QHC XD KKT Hòn La, tỉnh Quảng Bình qua báo cáo của đơn vị tư vấn. Theo đó, vì đây là nhiệm vụ điều chỉnh nên nhiệm vụ cần làm rõ các nội dung phải điều chỉnh, các nội dung mới được bổ sung, các nội dung kế thừa (được tiếp tục đầu tư xây dựng theo QĐ số 851/QĐ – TTg năm 2012); Nội dung nghiên cứu nhiệm vụ cần yêu cầu xác định rõ vai trò, vị thế, mối quan hệ vùng, thực trạng phát triển KKT theo QĐ số 851/QĐ- TTg, nghiên cứu cấu trúc tổng thể của KKT, các yêu cầu cần nghiên cứu

của từng khu chức năng trọng tâm (khu công nghiệp, khu đô thị, dân cư nông thôn, du lịch...), về tính chất, quy mô, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, về tổ chức không gian, sử dụng đất, QH phát triển hệ thống hạ tầng...; Yêu cầu nghiên cứu lồng ghép nội dung quy hoạch bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của BĐKH, thiên tai vào nhiệm vụ điều chỉnh QHC KKT...

Phát biểu kết luận, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng, hoàn thiện một số nội dung trong Nhiệm vụ như: cần bổ sung làm rõ những thuận lợi khó khăn của KKT Hòn La trong tương quan so sánh với các KKT ven biển khác trong cùng khu vực (VD KKT Vũng Áng tỉnh Hà Tĩnh), đơn vị tư vấn cần nghiên cứu kỹ hơn về điều chỉnh QHC XD KKT Hòn La để làm nổi bật lên yếu tố một khu đô thị ven biển trong tương lai. Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn cũng lưu ý tỉnh Quảng Bình và đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ, QHC XD KKT Hòn La phải phù hợp với QH tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 hiện nay đang hoàn thiện trình thẩm định, phê duyệt và các QH khác.

Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị tỉnh Quảng Bình chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thiện Nhiệm vụ và Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ để chuyển lại cho Bộ Xây dựng trước khi Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Ninh Hoàng Hạnh**

## **Thị xã Đông Triều đạt tiêu chuẩn đô thị loại III trực thuộc tỉnh Quảng Ninh**

Ngày 28/8/2020 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Đông Triều là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Quảng Ninh. Chủ tịch Hội đồng thẩm định –

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị với sự tham dự của đại diện các bộ, ngành Trung ương, các cục, vụ chuyên môn Bộ Xây dựng, các hội nghề nghiệp. Về phía địa



*Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị*

phương có sự tham dự của ông Cao Tường Huy - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh cùng lãnh đạo: Thị ủy, UBND thị xã Đông Triều, Sở Xây dựng, các ban, ngành tỉnh Quảng Ninh.

Theo thuyết minh Đề án, Đông Triều là đô thị nằm ở vị trí phía Tây của tỉnh Quảng Ninh, là cửa ngõ kết nối tỉnh Quảng Ninh với vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng ven biển Bắc bộ. Đông Triều tiếp giáp với các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương và có vai trò động lực phát triển kinh tế vùng, điều kiện thuận lợi cho việc phát triển giao thông, cả về đường bộ, đường thủy với các trung tâm kinh tế lớn trong vùng. Đây là một trong những trung tâm văn hóa tâm linh, công nghiệp khai khoáng, sản xuất điện năng và vật liệu xây dựng của tỉnh Quảng Ninh và vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ. Khu vực lập đề án là toàn bộ địa giới hành chính thị xã Đông Triều, bao gồm 21 đơn vị hành chính trực thuộc, trong đó có 10 phường và 11 xã.

Về sự cần thiết công nhận thị xã Đông Triều là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, báo cáo của Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) cho biết: Theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1659/TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc



*Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh Cao Tường Huy phát biểu tại Hội nghị*

gia giai đoạn 2012 - 2020, thị xã Đông Triều chưa nằm trong Danh mục nâng loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên trong những năm vừa qua, tỉnh Quảng Ninh nói chung và thị xã Đông Triều nói riêng đã có một giai đoạn phát triển cao về kinh tế - xã hội (KT-XH). Tốc độ tăng trưởng bình quân GDP của Quảng Ninh giai đoạn 2010-2015 đạt 9,2%/năm (cả nước là 5,82%) và đến năm 2019 đã đạt 12,01%, mức cao nhất trong 10 năm qua. Song song với những đột phá trong phát triển KT-XH là sự hình thành, phát triển mạnh mẽ của hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh, trong đó có thị xã Đông Triều. Cùng với đó, tại Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050, xác định những định hướng chiến lược đối với hệ thống đô thị toàn tỉnh, trong đó có định hướng xây dựng đô thị Đông Triều đạt tiêu chuẩn đô thị loại II vào năm 2030. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đặt mục tiêu phát triển đô thị toàn tỉnh Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030, trong đó định hướng đô thị Đông Triều đến năm 2020 sẽ trở thành đô thị loại III và đến năm 2030 sẽ trở thành đô thị loại II.

Tại Hội nghị, ông Phạm Văn Thành, Bí thư



*Bí thư thị ủy, Chủ tịch UBND thị xã Đông Triều Phạm Văn Thành phát biểu tại Hội nghị.*

thị ủy- Chủ tịch UBND thị xã Đông Triều cho biết: Đông Triều đã thực hiện các giải pháp đồng bộ, phát triển kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, gắn với nâng cao thu nhập của người dân. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020 đạt trên 2.724 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với giai đoạn 2011-2015; tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 15,2%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2012 là 1.403 USD/người, bằng 0,91 lần thu nhập bình quân đầu người cả nước thì đến năm 2019 đã tăng lên đạt 4.620 USD, bằng 1,56 lần trung bình toàn quốc. Thị xã đã tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng đồng bộ theo hướng hiện đại, trong đó tập trung chỉnh trang đô thị, bổ sung hệ thống chiếu sáng, cây xanh, xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước thải trong các khu, cụm công nghiệp, các khu dân cư tập trung. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng giao thông, phát triển hạ tầng các khu dân cư đô thị đồng bộ theo hướng hiện đại. Đông Triều cũng là địa phương được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) cấp huyện đầu tiên ở miền Bắc và cũng là địa phương đầu tiên của tỉnh Quảng Ninh triển khai thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu. Diện mạo thị xã trẻ Đông Triều đã có nhiều đổi thay theo hướng khang trang, hiện đại hơn, nhiều công trình giao thông quan trọng đã hoàn thiện đầu tư, đưa vào khai thác, vừa làm

nhệm vụ phát triển giao thông, vừa mở rộng không gian đô thị góp phần phát triển kinh tế địa phương.

Qua nghiên cứu hồ sơ đề nghị công nhận thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đạt tiêu chí đô thị loại III, đối chiếu hiện trạng phát triển của thị xã Đông Triều với các tiêu chí, tiêu chuẩn hiện hành về phân loại đô thị, báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng), hai báo cáo phân biện của Vụ Chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ) và Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) cũng như ý kiến của các thành viên Hội đồng đều nhất trí với việc nâng loại đô thị cho thị xã Đông Triều. Bên cạnh đó, Đề án cũng nhận được nhiều góp ý của Hội đồng chủ yếu tập trung vào nội dung: Đông Triều đóng vai trò là vùng kinh tế trọng điểm của Bắc bộ với sự phát triển công nghiệp khai khoáng, sản xuất điện năng và vật liệu xây dựng với nguy cơ cao ô nhiễm khói bụi và tro xỉ. Trong khi đó, đây lại là vùng đất cổ, ghi đậm nhiều dấu ấn lịch sử, văn hóa với điểm nhấn là Khu di tích Nhà Trần - Ngọa Vân là những tiềm năng, thế mạnh để phát triển dịch vụ du lịch văn hóa tâm linh nên vấn đề bảo vệ môi trường cần đặc biệt chú trọng.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị tỉnh Quảng Ninh và thị xã Đông Triều tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng để hoàn thiện Đề án, chú ý phát triển đồng bộ hạ tầng nội thị và ngoại thị để phân bố dân số đồng đều hơn (hiện tại dân số đang tập trung ở nội thị), khắc phục 2 tiêu chí chưa đạt là mật độ dân số và tỷ lệ tăng dân số. Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn cũng đề nghị địa phương cần quan tâm đến công tác quy hoạch xây dựng, sớm điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng của thị xã Đông Triều hướng tới đô thị loại II để có chiến lược phát triển trong thời gian tới. Cùng với đó, cần có chương trình phát triển đô thị phù hợp để thu hút đầu tư trong giai đoạn tới, phát triển công nghiệp, dịch vụ gắn với công tác bảo vệ môi trường.

Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn cho biết, Bộ

Xây dựng sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung thị xã Đông Triều vào danh sách đô thị loại III giai đoạn 2016 - 2020.

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị quốc gia đã thông qua Đề án đề nghị công nhận thị

xã Đông Triều là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Quảng Ninh với điểm số 86,88.

**Ninh Hoàng Hạnh**

## **Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) trong Quy hoạch phát triển các Đô thị ven biển tại Việt Nam**

Khu vực ven biển và hải đảo nước ta tập trung phần lớn các đô thị, điểm dân cư nông thôn. Đến năm 2009, tại 34/63 tỉnh ven biển và ĐBSCL có 405 đô thị, với dân số ước tính đến 20 triệu người, trong đó có khoảng 4,1 triệu người sống trong 45 đô thị có vị trí nằm kề sát biển và vùng cửa sông lớn. Tại đây hội tụ những tài nguyên quan trọng và có giá trị phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Trong thời gian qua, các đô thị khu vực ven biển và hải đảo đã phát triển mạnh mẽ về chất và lượng; hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị, kết cấu hạ tầng kinh tế đang từng bước phát triển và hoàn thiện. Phát huy lợi thế về tài nguyên và vị thế của khu vực biển đảo, nhiều đô thị trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ của vùng, cửa cả nước và khu vực, trở thành cầu nối quan trọng giữa Việt Nam với thế giới trên con đường hội nhập kinh tế. Hệ thống đô thị khu vực ven biển đã đóng góp quan trọng trong tiến trình phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Bên cạnh đó, nội dung quy hoạch xây dựng đô thị đang từng bước phù hợp với đặc thù của đô thị ven biển thông qua việc tổ chức phân khu chức năng, phát triển không gian, xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các khu giải trí, công trình dịch vụ du lịch, khu cây xanh, bảo vệ cảnh quan tài nguyên môi trường đô thị và khu dân cư. Hiện tượng biến đổi khí hậu và những thách thức đối với các đô thị ven biển. Biến đổi khí hậu với các biểu hiện chính là sự nóng lên toàn cầu và mực nước biển dâng, do sự

mất cân bằng của hệ sinh - khí quyển thế giới gây nên hiệu ứng nhà kính. Hiệu ứng nhà kính hình thành chủ yếu là do lượng khí thải lớn vào khí quyển sản sinh ra từ các hoạt động kinh tế - xã hội của con người trong quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá (khí nhà kính). Trong đó, hoạt động sản xuất công nghiệp, giao thông đô thị và sinh hoạt của dân cư tạo lượng khí nhà kính lớn nhất. Đối với những nước có tốc độ và quy mô công nghiệp hoá, đô thị hoá lớn thì mức phát thải khí nhà kính càng cao. Trên thế giới hiện nay Trung Quốc và Mỹ là hai quốc gia dẫn đầu về mức phát thải khí nhà kính vào bầu khí quyển. Theo nghiên cứu của các tổ chức quốc tế và trong nước, Việt Nam là một trong những quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi BĐKH và nước biển dâng.

Những tác động chủ yếu của BĐKH ở Việt Nam gồm: Sự gia tăng nhiệt độ; nước biển dâng, bão và áp thấp nhiệt đới; lũ lụt, lũ quét và sạt lở đất; hạn hán và các hiện tượng khí hậu cực đoan khác gồm các đợt nắng nóng và số ngày nắng nóng, các đợt rét và số ngày rét đậm, rét hại, mưa cực lớn, giông, tố, lốc. BĐKH sẽ tác động trực tiếp, hoặc gián tiếp đến toàn bộ môi trường vật chất và xã hội nước ta, tạo nên những thách thức to lớn đối với các đô thị, điểm dân cư nông thôn cả nước nói chung, hệ thống đô thị ven biển nói riêng. Những thách thức đó là:

Gia tăng nguy cơ phát triển thiếu bền vững của hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn đối với các vùng nhạy cảm với BĐKH, gồm: Vùng

đồng bằng sông Hồng, ven biển Bắc Trung bộ, duyên hải Trung Bộ, Hải đảo và đồng bằng sông Cửu Long bởi nước biển dâng, bão, áp thấp nhiệt đới, xâm thực bờ biển, lũ quét...; Vùng núi Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên chịu nguy cơ lũ lụt, lũ quét và sạt lở đất cao nhất; Vùng đất thuộc dải ven biển Trung Bộ, vùng núi và Trung du Bắc Bộ sẽ bị tác động mạnh nhất bởi các hiện tượng khí hậu cực đoan;

Tác động của mực nước biển dâng sẽ là nguy cơ lớn nhất đang gia tăng theo thời gian đối với không gian phát triển khu dân cư. Theo dự báo, cả nước có nguy cơ mất khoảng 5% diện tích đất đai, 23% dân số thiếu đất và 11% người mất nhà cửa; quỹ đất thuận lợi cho phát triển điểm dân cư đô thị - nông thôn sẽ bị ngập khi mực nước biển dâng đến 90cm vào giữa thế kỷ 21, trong đó 10 tỉnh vùng ĐBSCL sẽ mất khoảng 38 - 39% diện tích đất; quỹ đất phát triển ở khu vực ven biển và hải đảo, nơi tập trung phần lớn các đô thị, điểm dân cư nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật (cảng biển, sân bay, kho tàng, khu công nghiệp...) của cả nước sẽ bị ngập hoặc tác động huỷ hoại khác;

Việc thực hiện chính sách phát triển đô thị trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá sẽ đối mặt với nhiều khó khăn:

Vấn đề giảm thiểu và thích nghi với BĐKH đặt ra yêu cầu phải có những đổi mới cấp bách và có căn cứ khoa học trong công tác quản lý quy hoạch phát triển đô thị, điểm dân cư nông thôn trong khi năng lực các chủ thể liên quan chưa đáp ứng. Phải có những phương pháp, nội dung, tiêu chuẩn, qui chuẩn thích hợp cho điều kiện BĐKH, ưu tiên cho các lĩnh vực: lựa chọn vị trí xây dựng và xác định tiền đề, động lực hình thành và phát triển; xác định giới hạn, ngưỡng phát triển không gian, môi trường đô thị, điểm dân cư nông thôn; xác định, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật như dân cư, đất đai, kết cấu hạ tầng, kiến trúc, môi trường...;

phân khu chức năng và tổ chức không gian phát triển; bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di sản kiến trúc cảnh quan đô thị; đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội và bảo vệ, phát triển môi trường bền vững; quản lý cung cấp dịch vụ đô thị và chống thiên tai, sự cố bảo đảm an ninh, an toàn xã hội ...;

Đối với phát triển các khu công nghiệp, đang được xây dựng nhiều ở vùng đồng bằng phải đối diện với nguy cơ ngập lụt, thách thức trong thoát nước do nước lũ từ sông và mực nước biển dâng. BĐKH đòi hỏi năng lực đánh giá, lượng đầu tư lớn, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để giảm thiểu, thích nghi trong quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro, sự cố môi trường; khó khăn trong việc cung cấp nước và nguyên vật liệu cho các ngành công nghiệp và xây dựng...;

Hạn hán, lũ lụt, nước biển dâng cũng sẽ ảnh hưởng đến việc cấp nước và làm gia tăng mâu thuẫn trong sử dụng nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của dân cư đô thị, nông thôn; đe dọa hoạt động thoát nước thải, vệ sinh môi trường đô thị; gây khó khăn cho công tác xây dựng, phát triển hệ thống giao thông đô thị; gia tăng tính phức tạp, chi phí trong quản lý hoạt động giao thông đô thị nhằm giảm thiểu mức phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính (theo nghiên cứu, hoạt động giao thông đô thị đóng góp 14% - 30% tổng lượng khí nhà kính thải vào khí quyển).

Sự gia tăng của nguy cơ sự cố môi trường và công nghệ đối với các vùng đô thị hóa, tỉ lệ thuận với sự tập trung dân cư và rác thải đô thị gồm vùng Thủ đô và đồng bằng sông Hồng; vùng Đông Nam Bộ; vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng đô thị lớn Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng - là những khu vực sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi tác động của BĐKH.

Phát triển đô thị và hiện tượng BĐKH, tăng trưởng đô thị và đô thị hóa gây tác động, làm thay đổi và ảnh hưởng đến hệ sinh thái tự

nhiên, mối quan hệ dân cư – môi trường do sự gia tăng lượng khí cacbon (gọi chung là khí nhà kính) thải vào tự nhiên.

Ở nước ta, các đô thị phát triển đang góp phần làm gia tăng hiện tượng BĐKH, bởi vì: Khai thác sử dụng quá mức và lãng phí tài nguyên đất đai vì mục tiêu tăng trưởng đô thị và công nghiệp, coi nhẹ yêu cầu phát triển cân đối hài hoà giữa đô thị - nông thôn. Sự tăng trưởng nhanh chóng của số lượng và mật độ phương tiện giao thông cơ giới ở các đô thị loại I trở lên; hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị quá tải, phát triển không theo kịp tốc độ đô thị hoá cao, chưa đủ năng lực đáp ứng nhu cầu hoạt động bình thường các đô thị, ..., năng lực xử lý chất thải đô thị yếu kém, thiếu đồng bộ; các cơ sở công nghiệp vật liệu xây dựng (xi măng, sắt thép), năng lượng (nhiệt điện) hiệu suất sản xuất thấp vì công nghệ lạc hậu, mức tiêu thụ năng lượng cao, sử dụng tài nguyên lãng phí góp phần tăng nhanh lượng khí nhà kính thải vào môi trường.

Vấn đề “xây dựng xanh”, “kiến trúc sinh thái” chưa được quan tâm trong xây dựng đô thị: nhiều loại vật liệu xây dựng ít thân thiện với môi trường (vật liệu xây dựng công nghiệp hoá, xi măng, sắt thép..) được sử dụng với khối lượng lớn; việc tuân thủ các nguyên tắc vi khí hậu, tiết kiệm năng lượng bị xem nhẹ,.. và nhiều bất cập khác đang dẫn đến sự xuống cấp, biến dạng hệ sinh thái đô thị, làm gia tăng các tác động đến môi trường.

Ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch phát triển đô thị, tác động của BĐKH đối với đô thị không chỉ trong 20 - 50 năm nữa mới xảy ra như dự báo của các tổ chức khoa học mà thực tế là đang hiện hữu với các hiện tượng thời tiết bất thường trên đất nước ta. Việc ứng phó với BĐKH không chỉ cho đô thị Việt Nam sau năm 2025 đến năm 2050 và tương lai xa hơn, mà còn hết sức cần thiết cho đô thị đương đại, bởi vì nếu đô thị hiện nay chịu rủi ro, thiệt hại bởi BĐKH thì việc ứng phó trong tương lai cũng không còn giá trị. Ứng phó với BĐKH trong hoạt

động quy hoạch đô thị Việt Nam gồm những nội dung sau:

Cần nhận thức toàn diện về BĐKH và tác động của nó đối với mối quan hệ giữa các yếu tố tạo lập đô thị, gồm: Yếu tố tự nhiên, công trình nhân tạo, hoạt động kinh tế - văn hoá, xã hội, mọi cá nhân, cộng đồng và xã hội ở đô thị. Nhận thức này không chỉ cần thiết trong giới khoa học, tư vấn về quy hoạch đô thị, trong cộng đồng mà còn trong cả hệ thống chính trị, trước tiên là trong bộ máy quản lý nhà nước về đô thị. Đó là cơ sở để nắm bắt chính xác, không bỏ sót các tác động của BĐKH đối với đời sống xã hội đô thị;

Từ nhận thức trên, đổi mới phương pháp quản lý phát triển đô thị mang tính đơn ngành, nặng về phát triển hình thái không gian vật chất, thiếu linh hoạt,.. sang phương pháp tiếp cận phát triển đô thị bền vững, ứng phó với BĐKH. Nhằm xây dựng và thực hiện chính sách, giải pháp xây dựng và phát triển đô thị theo hướng “thân thiện với môi trường” phương pháp tiếp cận ở các nước trên thế giới, được khái quát như sau: mang tính chiến lược (Strategy) thay cho tổng thể (Master plan); động lực phát triển đô thị ứng phó với BĐKH là từ nguồn lực nội tại, từ các ngành liên quan và toàn thể cộng đồng dân cư; linh hoạt (Flexibility), từ dưới lên, xuất phát từ nhu cầu cơ sở, đời sống cộng đồng, xã hội ở đô thị thay cho Định hướng, chỉ đạo (Orientation); bảo đảm sự phối hợp hiệu quả giữa các ngành liên quan (phương pháp hợp nhất, đa ngành) và tham gia của cộng đồng; nâng cao tính hành động (action plan) và khả năng thực hiện, bảo đảm giải quyết hiệu quả các vấn đề của đời sống dân cư đô thị;

Đổi mới phương pháp, nội dung lập, tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị: trên cơ sở cách tiếp cận nêu trên, xây dựng, phát triển các đô thị “xanh” hơn, thân thiện với môi trường với lượng phát thải thấp, khai thác và bảo tồn tài nguyên bền vững. Tích hợp yếu tố BĐKH, nội dung phát



triển các ngành ứng phó với BĐKH, sự tham gia của cộng đồng theo phương pháp Chiến lược phát triển đô thị (CDS), đồng thời áp dụng công nghệ mới về hệ thống thông tin địa lý (GIS), các phương pháp, công cụ quản lý kinh tế đô thị trong nền kinh tế thị trường vào các quy hoạch và kế hoạch phát triển đô thị Việt Nam...;

Đổi mới thể chế quy hoạch đô thị: Các yêu cầu về phát triển bền vững đã được các Luật: Bảo vệ Môi trường, Đất đai, Xây dựng, Nhà ở, Kinh doanh Bất động sản, Quy hoạch đô thị và các văn bản dưới Luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn... quy định tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, vấn đề ứng phó với BĐKH trong quy hoạch đô thị vẫn chưa được quy định thực sự cụ thể và phù hợp. Cần điều chỉnh quy định của các luật pháp theo hướng lồng ghép nội dung phát triển và quản lý đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên, khai thác sử dụng công trình đô thị, bảo vệ môi trường, cảnh quan, di sản đô thị,... tích hợp yêu cầu ứng phó với BĐKH trong một loại Quy hoạch hợp nhất (và duy nhất) là quy hoạch đô thị theo Luật Quy hoạch đô thị năm 2009. Đồng thời ban hành các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và các hướng dẫn lập quy hoạch, quản lý quy hoạch, xây dựng, đầu tư xây dựng, bảo vệ môi trường,... thích hợp với mục tiêu ứng phó với BĐKH ở đô thị;

### **Xác định các giải pháp về quy hoạch đô thị ứng phó với BĐKH:**

Đánh giá mức độ và tác động của BĐKH ở Việt Nam: Nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện là nhận diện được thách thức phải vượt qua trong ngắn hạn và dài hạn; triển khai đánh giá mức độ, tính chất và xu thế biến đổi của các yếu tố tác động của BĐKH đến tiến trình đô thị hoá, phát triển đô thị, điểm dân cư nông thôn trên địa bàn cả nước. Trên cơ sở các kịch bản BĐKH, lập bản đồ phân vùng, khu vực bị tác động của BĐKH, vùng sinh thái, vùng kinh tế, vùng đô thị hoá và vùng đô thị, điểm dân cư trên địa bàn cả nước.

Căn cứ Công ước Khung của Liên hợp quốc về BĐKH, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng

phó với biến đổi khí hậu (Quyết định số 158/2008/QĐ – TTg ngày 02/12/2008), xác định các giải pháp ứng phó ưu tiên về: thích ứng (để giảm thiểu rủi ro do BĐKH); giảm thiểu việc phát thải khí nhà kính do các hoạt động kinh tế - kỹ thuật - xã hội tại đô thị; nâng cao năng lực kỹ thuật; huy động nguồn lực thực hiện để lồng ghép vào nội dung của chính sách, quy hoạch và quản lý đô thị.

Xây dựng, điều chỉnh, hoàn thiện quy trình, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng các đô thị, điểm dân cư nông thôn phù hợp với điều kiện BĐKH về: nội dung, phương pháp lập quy hoạch, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu; chỉ tiêu quy hoạch phát triển, nguồn lực, tài nguyên đặc biệt về đất đai, môi trường; phương pháp, nguyên tắc, yêu cầu về thiết kế kiến trúc, đô thị sinh thái, xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng trong quy hoạch đô thị; quản lý cung cấp dịch vụ công cộng, quản lý đô thị trong điều kiện sự cố thiên nhiên,...;

Tích hợp giải pháp ứng phó với BĐKH trong “Điều chỉnh Định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050”, làm cơ sở thực hiện rà soát điều chỉnh quy hoạch các đô thị, điểm dân cư nông thôn, khu kinh tế đặc thù và các khu chức năng khác có nguy cơ ảnh hưởng bởi BĐKH theo nguyên tắc phát triển đô thị phải đảm bảo ổn định, bền vững và trường tồn, trên cơ sở tổ chức hợp lý môi sinh, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái.

Củng cố và tăng cường năng lực thể chế, chính sách hoạch định và phát triển đô thị ứng phó với BĐKH: năng lực cụ thể hoá và năng lực tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến phát triển sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động văn hoá - xã hội diễn ra trên địa bàn đô thị; năng lực tổ chức cung ứng và quản lý các dịch vụ công; năng lực hoạch định và thực thi chiến lược, quy hoạch phát triển

đô thị; năng lực huy động toàn xã hội, cộng đồng trong việc thực thi các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu trong phát triển đô thị, cụ thể: sớm tổ chức thực hiện các khoá bồi dưỡng, nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với các chủ thể tham gia quản lý, phát triển trên địa bàn đô thị về công tác quy hoạch xây dựng, đầu tư xây dựng trong điều kiện BĐKH.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm tham gia của cộng đồng: ứng phó với BĐKH là nhiệm vụ của toàn xã hội, trong đó có cộng đồng dân cư đô thị, các tổ chức chính trị – xã hội, xã hội – nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng. Do đó cần ưu tiên nâng cao nhận thức của cộng đồng về BĐKH, các tác động sẽ gặp để chuẩn bị ứng

phó. Đồng thời khuyến khích tích cực và sáng tạo của người dân, từ cơ sở chủ động tham gia vào các hoạt động ứng phó với BĐKH.

Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của quốc tế trong ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực quy hoạch đô thị;

Cuối cùng, giải pháp ứng phó với BĐKH cần được mọi ngành, mọi cấp kịp thời xác định và tổ chức triển khai bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững và trường tồn của các đô thị nước ta trong đó có các đô thị ven biển trong thế kỷ XXI.

**Ninh Hoàng Hạnh**

*(Nguồn: Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia - Bộ Xây dựng)*

## **Các hệ thống mạng đám mây - giải pháp thay thế trong thiết kế và xây nhà ở**

Thế kỷ XXI đã mang đến nhiều khái niệm mới, nhiều hiện tượng mới như thời kỳ hậu công nghiệp, sự hình thành xã hội thông tin, nền kinh tế mới. Hiện thực thế giới đã thay đổi đáng kể trong vòng hai thập kỷ qua. Quá trình chuyển đổi từ xã hội công nghiệp sang hậu công nghiệp, xã hội thông tin đã hoàn tất. Sự cân bằng của các vai trò trong nền kinh tế và những khái niệm cơ bản của nền kinh tế đã thay đổi hoàn toàn. Tri thức và thông tin ngày càng được tích hợp vào các quá trình kinh tế. Chủ nghĩa hậu công nghiệp đưa ra những ý tưởng mới, quan hệ hợp tác phát triển. Và nền kinh tế mới (new economy) với những mô hình và tư duy mới xuất hiện. Khả năng cấu hình hóa, giải quyết các vấn đề phức tạp được đặt ra, nhằm xử lý lượng thông tin khổng lồ được tạo ra và cường độ thông tin của tất cả các loại hoạt động kinh tế ngày càng tăng cao. Các công việc được tiến hành dựa trên phương pháp luận mới của sản xuất 4.0 (Industry 4.0, Work 4.0). Ý tưởng kết hợp tất cả những kiến thức nêu trên

trong hệ thống mô hình tổng thể, các quy trình thiết kế, hệ thống đám mây xuất hiện. Đó chính là một bộ phận của nền kinh tế mới, tập trung các công nghệ đám mây có tính đột phá trong hạ tầng xã hội đang trở nên năng động hơn từng ngày.

Các ý tưởng, quy trình nêu trên được phản ánh rất rõ trong lĩnh vực nhà ở, thiết kế, sản xuất hàng hóa... Những hệ thống hợp nhất tất cả các ý tưởng xuất hiện - đó chính là các nền tảng.

WikiHouse là một nền tảng kết hợp các khái niệm của sản xuất phân tán mới (4.0) mã mở, phi tập trung, tính hiệu quả của các đơn vị nhỏ, và cố gắng đưa ảnh hưởng của khái niệm tổng hợp này vào quy mô nhỏ của nhà ở và tỷ lệ tương quan với con người. WikiHouse đặc biệt hướng tới các khái niệm “mạng phi tập trung”, “nền kinh tế tri thức”.

WikiHouse là cấu trúc có cơ sở lý thuyết lớn. Các nhà phát triển WikiHouse tuyên bố những ý tưởng hậu công nghiệp, cách mạng công nghiệp 4.0 (sản xuất phi tập trung kỹ thuật số),

sự thay đổi tận gốc toàn bộ ngành kiến trúc và xây dựng thông qua ứng dụng công nghệ xây dựng mở.

Các nhà phát triển WikiHouse đang tập hợp một cấu trúc mạng, kết hợp các khái niệm “nền kinh tế mới”, có độ phủ toàn cầu và dựa trên các công nghệ CNC (computer numerical controlled - điều khiển kỹ thuật số bằng máy tính) mới rất linh hoạt. Tuy nhiên, khi làm như vậy, nhóm Wiki sẽ khóa tất cả vào một kiểu hệ thống kiến trúc/ công trình. WikiHouse làm những ngôi nhà có mức giá hợp lý từ các kết cấu sản xuất theo công nghệ CNC (công nghệ cho phép xây từ những chi tiết được đẽ gọt trên máy điều khiển lập trình số, và có thể được tập hợp một cách thủ công mà không đòi hỏi kỹ năng chuyên biệt nào, trong thời gian ngắn), và sử dụng các nguyên vật liệu địa phương. WikiHouse đơn giản, linh hoạt, có tính công nghệ, cho phép thay đổi và thay thế các bộ phận, mặt khác hạn chế các giải pháp kiến trúc, mang tính tạm thời.

Nhóm Wiki hiện đang phát triển một “loại thông tin linh hoạt”, một cộng đồng mở (có nghĩa là bất cứ ai, ở bất cứ đâu cũng có thể gia nhập và liên kết với dự án). Hiện nay, nhiều phương án nhà ở đã được xây dựng trên cơ sở ma trận WREN do WikiHouse phát triển (các giải pháp liên tục được cải tiến và tối ưu hóa); các định dạng khác cũng đang được phát triển. Chẳng hạn: Công ty “00” có sáng kiến quảng bá ý tưởng bằng cách xây các lab trên toàn thế giới để đẩy nhanh việc ứng dụng các giải pháp mới và tối ưu hóa chi phí. WikiLab đầu tiên được khánh thành tại Rio de Janeiro (Brazil) bằng số tiền thưởng của giải thưởng TEDCity 2.0 concept & innovation.

WikiHouse trước hết hướng tới các tầng lớp dân cư nghèo không được bảo đảm xã hội; ngoài ra WikiHouse được đề xuất làm một định dạng xây dựng sau các thảm họa và thiên tai, để xây các ngôi nhà nhỏ và các công trình tạm. Các nhà phát triển của WikiHouse nhấn mạnh

họ trước tiên quan tâm đến thông điệp xã hội chứ không phải tính cách mạng của công nghệ.

Nhìn chung, WikiHouse (với phần mềm hỗ trợ TED, ARUP) có những kế hoạch tham vọng, tính khả thi cao, song thực hiện chỉ trong phạm vi hẹp.

Paperhouses (PH) là nền tảng của Chile. Những nhà sáng lập đã cố gắng kết nối các kiến trúc sư và các đại diện ngành xây dựng Chile trong mạng phi tập trung, cùng thực hiện các ý tưởng khác nhau về phân khúc nhà thấp tầng đơn lập và xây nhà đơn lập. Ý tưởng của PH hướng tới việc nhân rộng thiết kế thích ứng, các công nghệ và khái niệm kiến trúc, và quảng bá rộng rãi để bất cứ ai mong muốn đều có thể chọn kiến trúc sư và công trình, chọn nhà thầu trong lãnh thổ Chile. Mã nguồn mở khiến nền tảng có tính đơn chức năng, hạn chế trong việc tổ chức.

Nền tảng thụ động, không ảnh hưởng tới quy trình thiết kế, thực chất là cơ sở dữ liệu với các dự án mà không có bất kỳ chức năng bổ sung nào (như lab, chat...).

Nền tảng WeBuildHomes của Hà Lan đưa ra mô hình cá nhân hóa nhà ở và sự hợp tác của những người tham gia. Nền tảng cung cấp những cách thức mới có phần sáng tạo để tổ chức quá trình thiết kế - xây dựng. Đó là khái niệm hình thành môi trường để hỗ trợ xây dựng các đường phố đơn lẻ và nhà đơn lập. Nền tảng chứa các chức năng của một thư mục trực tuyến, nơi tập hợp nhiều dự án nhà đơn lập được thiết kế bởi các công ty, văn phòng kiến trúc có năng lực hình thành môi trường. Dự án WeBuildhomes open source là một thư viện gồm những ngôi nhà tiền chế có giá quy định.

Đặc điểm của dự án này là xây dựng tuyến tính các ngôi nhà, thay đổi trong chuỗi quy trình thiết kế, hợp lý hóa chi phí thời gian - tài chính. Khác với PaperHouses là nền tảng thụ động, WeBuildHomes đóng vai trò giám sát, đảm nhận các nhiệm vụ về mặt tổ chức, gồm cả việc mua đất... Nhóm dự án cũng đảm nhận tất cả

các chức năng quản lý: từ lúc bắt đầu quá trình thiết kế cho đến khi bàn giao công trình (thực hiện các chức năng dịch vụ đối với khách hàng).

Nguyên tắc làm việc của WeBuildHomes không phức tạp : Các dự án (tương ứng với một số điều kiện) được các kiến trúc sư tải lên trang web, rồi đi đến thư viện mở, dễ dàng truy cập cho mọi người. Khách hàng lựa chọn căn nhà phù hợp mong muốn, nhu cầu và các quy định xây dựng tại địa điểm của mình. Tiếp đó, kiến trúc sư nhận được phí giấy phép (tiền bản quyền), và nhóm dự án WeBuildHomes tiếp tục hoàn thiện thiết kế ngôi nhà và quản lý việc xây dựng.

Sự phát triển của WeBuildHomes bị ảnh hưởng bởi đặc thù xây dựng đô thị ở Hà Lan, các yêu cầu quy định của địa phương nơi nhà rất dễ trở thành điển hình, độc đáo về mặt kích thước và chiều cao (chẳng hạn như trong dự án nổi tiếng BorneoSporenburg).

Theo thời gian, WeBuildHomes dần được nhiều người biết đến, được khách hàng và các kiến trúc sư ngày càng quan tâm, được cộng đồng công nhận, được trao giải nhất trong cuộc thi “niaNesto, innovation complex search”. Tuy vậy, vẫn có những hạn chế nhất định: Nền tảng kiểm soát một cách cứng nhắc quá trình tương tác giữa những người tham gia, loại hình nhà ở hạn chế, sự nghèo nàn trong các giải pháp về diện mạo kiến trúc và công nghệ xây dựng. Mặc dù nền tảng được đưa vào quá trình xây dựng, nhưng không vận dụng các ý tưởng hiện đại mà chỉ hoạt động bằng các biện pháp cũ.

Nền tảng Cameron Sinclairs Open Architecture Network có mục tiêu cải thiện điều kiện sống thông qua các nguyên tắc thiết kế bền vững và kiến trúc nhân văn. Nền tảng cho phép

các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau cùng sử dụng các dự án, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm và ý kiến, mang lại lối kiến trúc hợp lý cho các cộng đồng thiết thời nhất trên thế giới.

Tất cả các ví dụ trong bài viết đều chỉ ra việc vận dụng đúng đắn tính logic về hiệu quả, và áp dụng kinh tế mới riêng trong lĩnh vực xây dựng nhà ở. Đặc điểm chung nổi bật nhất là tất cả các cấu trúc/ nền tảng đều được hình thành dựa trên các nhiệm vụ “khởi nghiệp”; chẳng hạn Uber có ý tưởng về một chương trình taxi toàn cầu; những người sáng lập WikiHouse muốn phổ biến hệ thống nhà CNC của mình trên toàn thế giới... Tất cả các nền tảng đều khác nhau về cấu trúc và không có một kiểu, một mô hình thống nhất để có thể sao chép. Bên cạnh đó, tất cả các nền tảng đều có định hướng xã hội, mong muốn kết hợp người dân vào một quy trình nhất định, để làm cho vai trò của người dân trong thiết kế trở nên tích cực hơn, có ý nghĩa hơn, nhà ở và các sản phẩm khác trở nên dễ tiếp cận hơn.

Chủ đề trong bài viết này rất cấp thiết đối với Nga, nơi mọi vấn đề mới, mọi thay đổi trong công nghệ (xây dựng) chủ yếu được hiểu ở mức độ thiết kế đại trà. Phân tích một số ví dụ nền tảng của các nước, vị trí trong cơ cấu kinh tế hiện đại, hiểu biết về sự tương tác và nguồn gốc xuất hiện các ý tưởng là vô cùng quan trọng trong việc tạo ra các tìm kiếm và đề xuất của riêng Nga theo xu hướng này.

**S. Rybakov**

*Nguồn: Tạp chí Architecture & Modern Information technologies tháng 5/2019*

**ND: Lê Minh**

## **Phát triển không gian xanh đô thị ở Anh - ví dụ điển hình ở thủ đô Luân Đôn**

Nước Anh dẫn đầu trong việc bắt đầu công nghiệp hóa và đô thị hóa, vì vậy cũng khá sớm đã ý thức được rằng phát triển nhanh có ảnh hưởng đối với đô thị, đồng thời đã từng bước tìm tòi các biện pháp cải thiện môi trường sống tại đô thị. Trải qua quá trình phát triển hơn một thế kỷ, hiện tại không gian xanh đô thị tại Anh đã phát triển ổn định, môi trường và chất lượng chính thể đô thị có được sự nâng cao rõ rệt. Lịch trình phát triển không gian xanh đô thị tại Anh có thể tổng hợp thành 4 giai đoạn: Giai đoạn khởi bước lấy việc gia tăng số lượng không gian xanh làm chủ đạo, giai đoạn phát triển nhanh thông qua hoàn thiện hệ thống không gian xanh, giai đoạn hoàn thiện toàn diện bằng cách cân bằng công viên và không gian xanh và giai đoạn nâng cao tổng hợp bền vững.

### **1. Giai đoạn bắt đầu - Gia tăng số lượng không gian xanh đô thị (1830 - 1890)**

Đầu thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp Anh cơ bản hoàn thành, nước Anh trở thành quốc gia công nghiệp đầu tiên trên thế giới, sự gia tăng về năng lực sản xuất đã mang đến sự phát triển nhanh chóng cho các đô thị. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng của đô thị là hàng loạt các vấn đề như sinh thái tự nhiên bị phá hoại, điều kiện vệ sinh và môi trường đô thị ngày càng xuống cấp... đã gây bất mãn trong xã hội. Đặc biệt, vào đầu những năm 1930 của thế kỷ XIX, dịch tả đã lây lan tại Châu Âu, cuộc sống của đông đảo người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng, dịch bệnh với tỷ lệ tử vong cao đã khiến chính phủ nước Anh buộc phải bắt đầu cải thiện môi trường đô thị, điều đó đã trở thành một cơ hội phát triển không gian xanh đô thị. Năm 1833, Quốc hội Anh lần đầu tiên đưa ra phương án cải thiện môi trường đô thị đang không ngừng bị suy thoái thông qua việc xây dựng không gian xanh đô thị, sử dụng

thuế thu được để bắt đầu xây dựng lần lượt các công viên và không gian xanh đô thị.

Năm 1847, Công viên Birkenhead của Anh đã chính thức hoàn thành xây dựng và mở cửa, đây là công viên đô thị đầu tiên do chính phủ đầu tư xây dựng, đồng thời cũng giúp cho quan điểm “xây dựng công viên trong đô thị sẽ đưa các đồng quê đã biến mất quay trở lại đô thị” bắt đầu đi sâu vào lòng người, thúc đẩy cuộc vận động công viên đô thị sớm tại Anh. Vào thời kỳ này, công viên và không gian xanh với quy mô lớn lần lượt được thực thi xây dựng, diện tích không gian xanh từng bước gia tăng. Với sự ảnh hưởng của nước Anh, việc xây dựng không gian xanh đô thị tại các nước Châu Âu khác cũng được triển khai mạnh mẽ, ảnh hưởng tới cả nước Mỹ, đồng thời làm dấy lên cao trào của cuộc vận động công viên đô thị.

### **2. Giai đoạn phát triển nhanh - Hệ thống không gian xanh dạng vòng tròn hoàn thiện (1890 - 1945)**

Cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, con người đã nhận thức được rằng chỉ dựa vào việc xây dựng công viên đơn nhất để gia tăng không gian xanh, cải tạo môi trường đô thị là rất hạn chế, do đó đã bắt đầu nhìn nhận lại mối quan hệ giữa đô thị và tự nhiên, đồng thời dần dần coi trọng việc xây dựng hệ thống không gian xanh đô thị và hệ thống không gian xanh khu vực rộng lớn hơn. Năm 1898, “Thành phố đồng quê” của Howard đã cho rằng trung tâm thành phố là một công viên rộng khoảng 145 mẫu Anh, đồng thời nhấn mạnh rằng xung quanh đô thị lưu giữ một vành đai nông thôn. Quan điểm này đã đưa tính quan trọng của hệ thống dải không gian xanh và hành lang xanh đề cập tới mức độ quy hoạch, cũng đã ảnh hưởng tới các chính sách không gian xanh đô thị, lý luận đô thị mới và thành phố vệ tinh sau này của Anh.

Năm 1983, Quốc hội Anh đã thông qua Đạo luật Vành đai xanh (Green Belt Act), thiết lập vành đai rừng, công viên quy mô lớn, các loại địa điểm vận động vui chơi giải trí, ruộng đồng... để kiểm soát quá trình ngoại ô hóa gây ra sự mở rộng không ngừng của đô thị lớn. Năm 1944, Quy hoạch London lớn đã đưa ra phạm vi 48km cách trung tâm thành phố, hình thành một dải vành đai xanh rộng 5 dặm Anh xung quanh London, sau đó lại đưa độ rộng vành đai xanh gia tăng lên thành 6 - 10 dặm Anh. Vì vậy, không gian xanh xung quanh thành phố London không chỉ có tác dụng kiểm soát sự phát triển lan rộng của đô thị, mà còn cung cấp khu vực dành cho nông nghiệp và vui chơi giải trí. Quy hoạch London lớn đã trở thành căn cứ căn bản cho quy hoạch vành đai xanh của London và khu vực xung quanh sau này. Kể từ khi quy hoạch chính thức thực thi, diện tích che phủ của không gian xanh đô thị đã gia tăng rõ rệt, tạo ra môi trường đô thị tươi đẹp, cũng tạo cơ sở tốt đẹp cho thành phố London sau này hoàn thiện không gian xanh đô thị và hệ thống công viên.

### **3. Giai đoạn hoàn thiện toàn diện - Phát triển đồng đều công viên, chuỗi không gian xanh (1945 - 2000)**

Sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, đô thị tại các nước Châu Âu chịu tổn thất nghiêm trọng, đồng thời phải đối mặt với việc quy hoạch và xây dựng lại, do đó sự phát triển của không gian xanh đô thị cũng đối diện với cơ hội và thách thức mới. Do sự suy sụp của khu vực nội thành, rất nhiều đô thị trong quá trình đổi mới đã bắt đầu nỗ lực xây dựng không gian xanh tại khu vực đô thị cũ, bao gồm các loại công viên đô thị, không gian xanh cộng đồng... Năm 1972, "Tuyên ngôn Môi trường nhân loại" được thông qua tại "Hội nghị Môi trường nhân loại Liên hợp quốc", trong đó đã nhấn mạnh hơn nữa vai trò điều hòa, hiệu quả và năng động trong phương diện cải thiện môi trường của không gian xanh đô thị. Việc xây dựng không gian xanh bắt đầu

thể hiện xu thế mới với việc xanh hóa trên quy mô lớn, chào đón giai đoạn phát triển không gian xanh với hai mục tiêu quan trọng là cải thiện môi trường đô thị và thỏa mãn hiệu ứng cảnh quan. Sau đó, cùng với sự dẫn nhập lý thuyết và phương pháp hàn lâm quốc tế trong sinh thái học vào quy hoạch không gian xanh đã khiến cho sự phát triển của không gian xanh đô thị được mở rộng tới toàn bộ khu vực sinh thái tự nhiên.

Chịu ảnh hưởng bởi quan điểm này, không gian xanh đô thị của nước Anh thời kỳ này trước hết coi trọng việc đổi mới không gian xanh khu đô thị cũ, mục tiêu chủ yếu là cải thiện hiện trạng không đủ không gian xanh trong nội bộ đô thị, gia tăng không gian công cộng đô thị với sự che phủ của hệ thực vật xanh và tổng lượng các loại công viên. Ngoài ra, sự phát triển không gian xanh còn mở rộng tầm nhìn tới khu vực ngoại ô và khu đô thị mới, thông qua xây dựng không gian xanh tuyến tính, công viên tự nhiên và công viên rừng, hình thành bố cục không gian xanh thống nhất giữa đô thị và nông thôn. Hành lang xanh cũng nhận được sự coi trọng, hành lang xanh ban đầu còn được gọi là "chuỗi không gian xanh", việc quy hoạch xây dựng chuỗi không gian xanh sẽ tiến hành liên kết không gian xanh ngoại vi và công viên đô thị, từ đó hình thành bố cục kết cấu không gian xanh với đặc trưng đô thị của London.

Sau đó, trên cơ sở vành đai xanh và chuỗi không gian xanh hiện có, nước Anh bắt đầu theo đuổi giá trị chức năng và hiệu quả sử dụng thực tế của không gian xanh. Năm 1991, London đưa ra một loạt mạng lưới chồng xếp, bao gồm cung cấp các lối đi xanh với chức năng vui chơi giải trí và phục vụ cho việc đi bộ với chất lượng cao, ủng hộ lối đi xanh dành cho xe đạp và hành lang sinh thái chan hòa với tự nhiên với quy mô lớn hơn, lúc này việc xây dựng mạng lưới xanh của London đã cơ bản thành hình. Năm 1994, trong báo cáo của chính phủ Anh "Phát triển bền vững: Chiến lược của nước

Anh” cũng chỉ ra rằng, việc định vị thành công không gian xanh đô thị có xu hướng phức hợp hóa và mang tính tổng hợp, đồng thời coi nó là một trong những chiến lược quan trọng để phát triển bền vững đô thị. Ví dụ, Công viên Lee Valley Regional nổi tiếng được coi là “lá phổi xanh của London”, đã hình thành mối quan hệ tương hỗ giữa trung tâm đô thị, địa điểm làm việc, nơi cư trú, các tiếp điểm giao thông..., đồng thời trên cơ sở chức năng bảo tồn thiên nhiên, thông qua hành lang sinh thái đa chức năng, liên kết các cấp công viên tại đô thị, hệ sinh thái nước và khu bảo tồn thiên nhiên, cuối cùng liên kết với sông Thames, tạo nên một hệ thống mạng lưới xanh hoàn chỉnh với nhiều chức năng và chất lượng cao, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống của London và khu vực xung quanh.

#### **4. Giai đoạn nâng cao tổng hợp - Phát triển bền vững và hài hòa giữa con người và tự nhiên (từ năm 2000 đến nay)**

Kể từ thế kỷ XXI, mối quan hệ đối ứng và cộng sinh giữa chăm sóc nhân văn và chức năng xã hội đã nhận được càng nhiều sự coi trọng, sự phát triển của không gian xanh đô thị tại Anh càng nhấn mạnh hơn việc xây dựng và kiến tạo không gian xanh từ góc độ nhân hóa. Thành phố London đã thông qua đổi mới chi tiết hóa không gian xanh trong cộng đồng, tăng cường tính liên kết và tính khả thi của không gian công cộng. Đặc biệt, việc cải tạo, đổi mới các công viên thu nhỏ (Pocket Parks) đã trở thành chiến lược trước mắt của London khi xây dựng hình tượng đô thị. Từ năm 2013 đến năm 2015, chính phủ Anh đã cho xây dựng hơn 100 công viên tại 26 thị trấn tự trị. Việc cải tạo bền vững theo dạng lũy tiến này không chỉ khiến không gian xanh đô thị trở nên thân thiện hơn, bảo vệ môi trường hơn, mà còn nâng cao tính tiện lợi của không gian xanh cộng đồng, công viên đô thị, chuỗi không gian xanh và vành đai xanh, tạo ra không gian sinh hoạt thoải mái với chất lượng cao cho người dân đô thị.

Mặt khác, quan điểm phát triển không gian xanh đô thị tập trung vào mối quan hệ hòa hợp giữa con người và tự nhiên. Năm 2018, chính phủ Anh đã ban hành “Tương lai xanh: Quy hoạch 25 năm cải thiện môi trường nước Anh”, trong đó đề cập đến việc thông qua bảo vệ khôi phục diện mạo tự nhiên, bảo vệ và làm đẹp hơn cảnh quan thiên nhiên... nhằm tăng cường mối liên hệ giữa con người và tự nhiên, đồng thời thông qua việc tiếp tục nâng cao chất lượng không gian xanh để giúp đỡ đông đảo người dân nước Anh cải thiện cuộc sống khỏe mạnh và hạnh phúc.

Cho tới nay, khu vực London đã trở thành một đô thị xanh, đô thị được che phủ bởi rừng, công viên đô thị và không gian xanh công cộng. Theo tài liệu trên trang web thông tin không gian xanh London, có khoảng 47% khu vực tại đô thị là không gian xanh, bao gồm hành lang xanh (Green Corridors), công viên và vườn hoa (Parks and Gardens), không gian xanh tự nhiên và bán tự nhiên (Natural And Semi-natural Urban Greenspace), Công viên khu vực (District Parks), công viên thu nhỏ (Pocket Parks), đất vườn tư nhân (Private Domestic Garden Land) và các loại hình không gian xanh khác. Trong đó, không gian mở cho đông đảo người dân sử dụng (Public Open Space) chiếm gần 18% diện tích của London và cùng nhau tổ hợp thành hệ thống không gian xanh đô thị quan trọng của London. Năm 2019, trong đề xuất mới nhất của Thị trưởng thành phố London về chiến lược phát triển không gian xanh trong tương lai có đề cập tới mục tiêu trở thành đô thị công viên quốc gia đầu tiên trên thế giới, trong tương lai sẽ có trên 50% đất sử dụng tại đô thị trở thành không gian xanh, đồng thời xây dựng nhiều không gian xanh hơn với chất lượng cao để có thể cung cấp cho người dân đô thị hưởng thụ.

**Cao Tường, Thịnh Huống**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn*

*Trung Quốc, số 16/2019*

**ND: Kim Nhạn**

# TRAO TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG CHO GIÁM ĐỐC QUỐC GIA GIZ VÀ THAM TÁN ĐẤT ĐAI, CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ GIAO THÔNG ĐẠI SỨ QUÁN HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2020



*Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho TS. Jasper Abramowski*



*Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng và tặng hoa ông Kim Hongrak*